



DOMESCO

DOMESCO - Vì Chất Lượng cuộc sống

ĐỐI TÁC MỚI, TẦM CAO MỚI

Báo Cáo Thường Niên 2011



Pharmaceuticals®

Bringing new science to life

Mục Lục

▪ THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
▪ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	4
▪ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
▪ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT	24
▪ GIỚI THIỆU CÔNG TY	25
▪ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	45
▪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	53
▪ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	91
▪ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG	93
▪ THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	96



DOMESCO

DOMESCO - Vì Chất Lượng cuộc sống



DOMESCO

DOMESCO - Vì Chất Lượng cuộc sống



Báo Cáo Thường Niên 2012



Ông Nguyễn Chí Thành

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

Thông điệp chủ tịch hội đồng quản trị

Kính thưa các Quý vị cổ đông, đối tác chiến lược và Quý vị khách hàng

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty DOMESCO, tôi xin gửi tới toàn thể Quý vị lời chúc sức khỏe, may mắn và hạnh phúc.

Như Quý vị đã biết, năm qua, những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng với nỗ lực không ngừng nghỉ, với tinh thần Anh hùng lao động và “Vì chất lượng cuộc sống”, Công ty Domesco đã có những bước đi đột phá, cơ bản hoàn thành xuất sắc, toàn diện các nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra. Tổng doanh thu thuần đạt 1.132 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 80,103 tỷ đồng, đảm bảo chi trả cổ tức 22%. Mô hình tổ chức và nhân sự đã được từng bước hoàn thiện, chúng ta đã tái cơ cấu thành công các khoản đầu tư, tập trung xử lý đưa các nhà máy đi vào hoạt động, tìm kiếm được đối tác chiến lược, chính sách về đào tạo và sử dụng người lao động có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống người lao động được đảm bảo, lợi ích của các cổ đông ngày càng được tăng cường, Domesco được đánh giá là 1 trong 21 doanh nghiệp có hoạt động quan hệ với nhà đầu tư tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011.

Năm 2012 là năm bản lề trong định hướng phát triển mới của Công ty DOMESCO. Công ty sẽ tăng cường và mở rộng hệ thống phân phối trong và ngoài nước, phát triển sản phẩm mới, quản lý hiệu quả nguồn vốn, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu của năm 2012, cụ thể: doanh thu bán hàng đạt 1.368 tỷ đồng - tăng 11%; lợi nhuận sau thuế đạt 92 tỷ đồng – tăng 12%; cổ tức 20 – 22% bằng việc thực thi 6 đột phá, 12 định hướng cùng 9 giải pháp đã thiết lập trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản cho phát triển Domesco giai đoạn 2012-2015. Chúng tôi tin tưởng rằng cùng với sự ủng hộ quý báu của các Quý vị cổ đông, Quý vị khách hàng, với tiềm lực sẵn có, nhất định Công ty DOMESCO sẽ thực hiện thắng lợi chiến lược đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, tin nhiệm và hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, Quý vị đối tác và Quý vị khách hàng. Tôi cũng xin cảm ơn sự nỗ lực, quyết tâm phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty DOMESCO đã không ngừng sáng tạo, tận tâm, tận lực vì sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Thành

Thông tin Doanh nghiệp



DOMESCO

DOMESCO - Vì Chất Lượng cuộc sống



NHÂN SINH QUAN CỦA DOMESCO

Để kiến tạo một Slogan “Vì chất lượng cuộc sống” mang tầm quốc tế, DOMESCO khẳng định cho mình sứ mệnh có mục tiêu rõ ràng và tầm nhìn cùng phương châm hành động đúng đắn phù hợp với xu thế thế giới.

1. Sứ mệnh

- Mang sức khỏe đến mọi người bằng nhiều phương tiện hữu hiệu.
- Tầng lớp nghèo và trung lưu còn nhiều, DOMESCO có sứ mệnh chăm sóc họ bằng những sản phẩm có chất lượng cao nhưng giá thành thật hợp lý.

Để thực hiện được những điều trên Công ty DOMESCO đã xây dựng và duy trì thực hiện 2 tôn chỉ và 6 phương châm cơ bản là:

1.1. Tôn chỉ

- 1.1.1. Cân bằng minh bạch hài hòa giữa quyền lợi các cổ đông và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tuân thủ luật pháp.
- 1.1.2. Lấy lợi nhuận hợp pháp và gia tăng giá trị Công ty mà khách hàng là trung tâm làm nền tảng.

1.2. Phương châm

- 1.2.1. Sống và làm việc theo pháp luật.
- 1.2.2. Hiệu quả là tiêu chí duy nhất để đánh giá Doanh nghiệp mà năng suất và kỹ năng làm việc là mũi xung kích.
- 1.2.3. Lấy sản xuất làm nền tảng cho phát triển trong đó xuất khẩu sản phẩm là kim chỉ nam.
- 1.2.4. Chất lượng sản phẩm là quyết định và không ngừng sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng hàm lượng tri thức ngày càng mang tính chủ đạo.
- 1.2.5. Chuyển dịch cơ cấu công nghệ tiên tiến trong mọi lĩnh vực để tạo lợi thế trên thương trường.
- 1.2.6. Đưa thương hiệu DOMESCO đi vào lòng người là động lực của thành công.

2. Mục tiêu

- 2.1. Là một Nhà phân phối hàng đầu ở Việt Nam.
- 2.2. Là một doanh nghiệp có thế mạnh về chương trình Hóa dược và thuốc có nguồn gốc từ dược liệu trong nước.
- 2.3. Là hoa tiêu trong lĩnh vực sinh học mà mũi nhọn là công nghệ Nano.
- 2.4. Là doanh nghiệp có hệ thống chất lượng toàn diện và ứng dụng thành công một cách hoàn hảo.
- 2.5. Có đội ngũ khoa học kỹ thuật vững mạnh mà nòng cốt là các Cán bộ có trình độ sau đại học.
- 2.6. Cân bằng quyền lợi CNLĐ, cổ đông và trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

3. Tầm nhìn

- 3.1. Trẻ em khỏe mạnh, thông minh, người già mong muốn kéo dài tuổi thọ là ước mơ của loài người, vì vậy Công ty sẽ chú trọng sâu sắc đến 2 lớp người bằng cách cho ra đời những sản phẩm dinh dưỡng và thuốc đặc hiệu phục vụ cho họ ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn.
- 3.2. Với nguồn dược liệu phong phú trong nước, DOMESCO sẽ tập trung phát triển và hiện đại hóa công nghệ chiết xuất và sản xuất thuốc từ dược liệu.
- 3.3. Trong xu thế công nghiệp hóa toàn cầu hiện nay các căn bệnh thời đại càng phát triển, do đó Công ty cũng tập trung vào các nhóm bệnh đã xác định làm bước đột phá.

Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco
Tên Viết Tắt	DOMESCO
Vốn điều lệ	178 tỷ VNĐ (tương đương 8,5 triệu USD)
Ngày thành lập	19/05/1989
Trụ sở chính	66 Quốc lộ 30, Phường Phú Mỹ, Thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh VP2	37 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP.HCM
Quy Mô	1.119 nhân viên, 4 nhà máy, 11.435 khách hàng và hơn 270 sản phẩm
Mã Chứng Khoán	DMC
Sàn Giao Dịch	HSX
Giá Trị Vốn Hóa Thị Trường	534,3 tỷ đồng (tương đương 25,6 triệu USD)
Giấy CN ĐKKD	1400460395 .Đăng ký lần đầu Ngày 30 tháng 12 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28 tháng 10 năm 2011 Tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề KD theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dung làm thuốc cho người, hoá chất xét nghiệm, Vắc xin, Sinh phẩm dung cho người, động vật và thực vật.

Báo cáo của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Bối Cảnh nền kinh tế 2011 – Toàn cảnh chung của ngành Dược 2011

Năm 2011 được kết luận là một năm đầy thách thức cho nền kinh tế Việt Nam. Sự bất ổn về kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội trở thành những thách thức chung cho các ngành kinh tế mũi nhọn tại Việt Nam. Theo tổng cục thống kê tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,89%, giảm 0,89% so với năm 2010. Cùng với sự sụt giảm này là CPI tăng 18,58% so với cùng kỳ làm cho vật giá cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào tăng cao. Nhìn chung, tình hình kinh tế trong năm 2011 còn nhiều biến động, đầy thách thức nhưng cũng đem đến cho Domesco nhiều cơ hội.

Trong khi ngành dược thế giới có mức độ tăng trưởng chậm đặc biệt là ở khu vực Mỹ và Châu Âu trong những năm gần đây với dao động từ 14 – 16%, thì ngành dược của các nước đang phát triển ở Châu Á Thái Bình Dương và Châu Mỹ Latinh vẫn có tiềm năng tăng trưởng mạnh trong thời gian tới, trong đó có Việt Nam. Đây là thị trường phát triển loại thuốc generic vì dân số đông, thu nhập trên đầu người không ngừng cải thiện.

Theo dự đoán của tổ chức RNCOS, tăng trưởng của ngành dược ở các nước đang phát triển trong giai đoạn 2010– 2015 sẽ đạt 12% - 15%, trong khi của thế giới chỉ đạt 6% - 8%. Trong năm 2011, ngành dược Việt Nam vẫn đạt ở mức tăng trưởng gần 20% (thời báo kinh tế Saigontimes, số 7/2012). Trước sự tăng trưởng bền vững của ngành dược cùng với sự hội nhập kinh tế đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty sản xuất dược trong nước với nhau và với sản phẩm nhập khẩu của thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, tỷ giá thì không ngừng biến động mà nguyên liệu sản xuất của công ty hầu hết dựa vào nguyên liệu nhập khẩu (90%).

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Trong bối cảnh đó, HĐQT và Ban Điều Hành đã nhận thức đúng đắn về tình hình hiện tại và có những bước đi khá vững chắc bằng cách lập ra các chỉ tiêu nhằm tận dụng hiệu quả nguồn lực của công ty như quản lý chi phí chặt chẽ để giảm chi phí mà không tăng giá thành sản phẩm; đối với các bộ phận kinh doanh cũng có những chính sách bán hàng hợp lý, ra sức chăm sóc hệ thống khách hàng và củng cố lại kênh phân phối. Nhờ đó Domesco đã vượt lên trong khó khăn và tạo được những kết quả khả quan trong doanh thu cũng như lợi nhuận gộp. Tất cả sẽ được trình bày trong báo cáo kết quả tình hình hoạt động kinh doanh 2011.

2. Tình hình thực hiện năm 2011

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2010	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
1. Doanh thu chung	1.132.056.081.656	1.121.697.000.000	1.043.439.497.848	100,92%	108,49%
Doanh thu hàng sản xuất	797.556.862.153	784.070.000.000	643.144.140.816	101,72%	124,01%
Doanh số hàng Kinh doanh	334.499.219.503	337.627.000.000	400.295.357.032	99,07%	83,56%
2. Lợi nhuận trước thuế	118.111.020.031		113.387.707.298		104,17%
3. Lợi nhuận sau thuế	80.103.348.441	92.727.000.000	82.791.634.722	86,39%	96,75%
4. Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	4.576	5.298	4.730	86,38%	96,74%
5. Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	2.200	2.200	2.200	100,00%	100,00%

3. Kế hoạch Kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Giá trị thay đổi tuyệt đối	% tăng trưởng so với cùng kỳ
1. Doanh thu chung	1.132.056.081.656	1.256.582.000.000	124.525.918.344	11%
Doanh thu hàng sản xuất (bao gồm DT SX nước tinh khiết và rượu)	797.556.862.153	904.739.000.000	107.182.137.847	13,44%
Doanh thu hàng Kinh doanh	334.499.219.503	351.843.000.000	17.343.780.497	5,18%
2. Lợi nhuận trước thuế	118.111.020.031	125.000.000.000	6.888.979.969	5,83%
3. Lợi nhuận sau thuế	80.103.348.441	89.716.000.000	9.612.651.559	12%
4. Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	4.576	5.038	562	10.09%
5. Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	2.200	2.200	-	

4. Một số Chỉ tiêu chính

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% tăng trưởng so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1.256.582.000.000	1.132.056.081.656	+11%
Trong đó, Doanh thu hàng sản xuất	904.739.000.000	797.556.862.153	13%
Lợi nhuận sau thuế	89.716.000.000	80.103.348.441	+12%
Cổ tức (%)	20 – 22%	22%	
EPS (đồng)	5.038	4.576	+10%

5. Chiến lược phát triển từ năm 2012 đến năm 2015

Trong chiến lược phát triển đến năm 2015, HĐQT Công ty đã ban hành Những nguyên tắc cơ bản cho phát triển kinh tế tại công ty DOMESCO. Đặt trọng tâm chỉ đạo thực hiện các công cụ mang tính chất chiến lược gồm: 6 đột phá, 12 định hướng và 9 giải pháp.

5.1. Sáu (06) đột phá

- 5.1.1. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhằm kiện toàn thể chế và thực thi tốt các quy chế tài chính - kiểm toán và phòng ngừa khủng hoảng rủi ro khi cục diện kinh tế thế giới bị thoái trào.
- 5.1.2. Đột phá về phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao.
- 5.1.3. Tập trung khai phá 03 công nghệ cốt lõi đó là Công nghệ sinh học, Công nghệ tự động hóa và Công nghệ thông tin mà mũi nhọn là Công nghệ sinh học.
- 5.1.4. Chọn dược liệu làm mũi tên công phá nhằm kiến tạo những sản phẩm chữa trị các chứng bệnh thời đại một cách an toàn và hiệu quả.
- 5.1.5. Chiếm lĩnh thị trường nội địa – phát triển xuất khẩu là kim chỉ nam.
- 5.1.6. Lấy năng suất tổng hợp, triệt tiêu lãng phí là 2 yếu tố cốt lõi cho phát triển bền vững.

5.2. Mười hai (12) Định hướng phát triển chủ yếu

- 5.2.1. Lấy lợi thế tương đối làm phương châm hành động, huy động mọi nguồn lực để ổn định các sản phẩm chủ lực và phải sử dụng sức cạnh tranh có hiệu quả trong thương trường.
- 5.2.2. Phát triển nhanh mạng lưới phân phối trong nước chú trọng thị trường nông thôn và mở rộng kênh không giường bệnh; phân bố lại địa bàn của các Chi nhánh, mỗi Chi nhánh phải phục vụ cho 8-10 triệu dân.
- 5.2.3. Phát triển hài hòa sản lượng tiêu thụ giữa các vùng nông thôn và thành thị, các kênh và các phân khúc thị trường với những sản phẩm khác nhau vì mục đích của Ta là “Nơi nào có sử dụng thuốc thì nơi đó có thuốc do DOMESCO sản xuất và phân phối”
- 5.2.4. Phát triển đồng bộ hoạt động dịch vụ bao hàm việc sản xuất gia công, nhận gia công, nhượng quyền thương hiệu, công nghệ và cả vận chuyển và bảo quản hàng hóa.

- 5.2.5. Đẩy mạnh công tác PR và IR nhằm chăm sóc chu đáo khách hàng thân thiết và tạo lòng tin ở Nhà đầu tư ngày càng có chất lượng và hiệu quả cao
- 5.2.6. Phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến mang tính sáng tạo trong sản xuất bao hàm cả dược lý, dược lực và dạng bào chế với giá thành thấp nhất nhằm tăng sức cạnh tranh cả trong nước và xuất khẩu
- 5.2.7. Phát triển nuôi trồng và chế biến, chiết xuất dược liệu theo hướng hiện đại, hiệu quả, chất lượng cao
- 5.2.8. Phát triển khoa học và công nghệ luôn song hành với phát triển nguồn lực cơ bản mà nguồn nhân lực và tài lực là 2 yếu tố then chốt không tách rời.
- 5.2.9. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lấy sáng tạo và năng suất tổng hợp làm cứu cánh.
- 5.2.10. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo các cấp luôn gương mẫu, trí tuệ, mẫn cán vững vàng bản lĩnh trong cả chuyên môn và chính trị.
- 5.2.11. Hoàn thiện chất lượng môi trường - xử lý chất thải là hai yếu tố luôn luôn gắn liền với mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- 5.2.12. Phát triển văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội tương ứng với sức phát triển kinh tế của DOMESCO.

5.3. Chính (09) Giải pháp phát triển của DOMESCO từ 2012 – 2015

- 5.3.1. Tập trung khắc phục nhanh, có hiệu quả những sự cố và yếu kém trong mọi hoạt động của Công ty do các nguyên nhân chủ quan. Kiên quyết chống lại mọi hiện tượng buông lỏng quản lý của các cấp.
- 5.3.2. Có đề án tái cấu trúc toàn diện trong các lĩnh vực then chốt như đầu tư, phân bổ vốn, chiến lược sản phẩm, lưu thông phân phối theo hướng nâng cao chất lượng, hàm lượng chất xám được coi trọng nhằm phát huy hiệu quả và sức cạnh tranh với tầm nhìn dài hạn và có lộ trình cụ thể.
- 5.3.3. Kiên trì thực hiện 2 chiến lược cơ bản đó là chiến lược giảm phí toàn diện và khác biệt hóa bằng những sản phẩm đầy sáng tạo, đặc thù và phải bảo hộ nó trước mọi nguy cơ xâm phạm sở hữu trí tuệ.
- 5.3.4. Tập trung thực hiện 6 đột phát và 12 định hướng đã nêu trên về phát triển Kinh doanh sản xuất trong giai đoạn mới.
- 5.3.5. Đổi mới tiêu chí và mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quan tâm đến nhân lực lãnh đạo, quản lý, quản trị Doanh nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa nghệ thuật, chất lượng giáo dục là then chốt, nhất là Cán bộ sau đại học.
- 5.3.6. An toàn pháp lý hôm nay, thịnh vượng cho ngày mai là khẩu hiệu của mọi người chúng ta, phải tạo chuyển biến mạnh về nhận thức, phương châm “Sống và làm việc phải tuân thủ theo pháp luật” là khẩu hiệu và hành động của Chúng ta.
- 5.3.7. Quản lý chất lượng toàn diện, tích hợp là một chuỗi xuyên suốt trong mọi hoạt động của Công ty mà trong đó chất lượng môi trường là nòng cốt.
- 5.3.8. Phát triển kinh tế doanh nghiệp phải đi đôi và đồng bộ phát triển văn hóa, thực hiện công bằng minh bạch tiến bộ trong Công ty đồng thời phải chăm lo sức khỏe, an toàn lao động nâng cao thu nhập và an sinh cho người lao động của Công ty và phải tập trung giải quyết thỏa đáng những bức xúc phát sinh.
- 5.3.9. Tham gia trách nhiệm xã hội và cộng đồng là nghĩa vụ của Công ty, chủ yếu ưu tiên tập trung vào 2 lĩnh vực trọng yếu là Khuyến học và Người nghèo.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2011

1. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2011

1.1. Doanh thu

Khoản mục (đồng)	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1,132,056,081,656	1,043,439,497,848	88,616,583,808	8.49%
Doanh thu xuất khẩu (USD)	1,173,275	731,223	442,052	60.45%
Doanh thu chung	1,194,863,534,661	1,113,098,646,568	81,764,888,093	7.35%
Doanh thu hàng kinh doanh	333,423,117,557	401,672,573,790	(68,249,456,233)	-16.99%
Doanh thu sản xuất thuốc	853,894,454,832	704,559,417,699	149,335,037,133	21.20%
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	2,609,467,897	2,162,173,607	447,294,290	-20.69%
Doanh thu sản xuất Rượu	327,316,387	471,063,285	(143,746,898)	30.52%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,609,177,988	4,233,418,187	375,759,801	8.88%

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2011 đạt 1.132 tỷ đồng, tăng 8,49% so với năm 2010, trong đó chủ yếu là tăng mạnh ở nhóm doanh thu sản xuất thuốc đạt 853,89 tỷ đồng tăng 149,34 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 21,2%. Nhóm doanh thu hàng kinh doanh giảm 68,25 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 16,99%. Nguyên nhân của sự suy giảm này bao gồm chủ quan và khách quan. Cụ thể là: (1) Sự bất ổn trong tình hình kinh tế vĩ mô nói chung như sự biến động liên tục của tỷ giá và lãi suất ngân hàng cao. (2) Giá nguyên vật liệu tăng cao và biến động liên tục trong năm làm cho Bộ phận kinh doanh nguyên phụ liệu không thể đẩy mạnh bán ra mà ở trong tư thế phòng thủ, chủ yếu đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế hoạt động kinh doanh nguyên liệu. Do đó, doanh thu hàng sản xuất thuốc tăng mạnh là nguyên nhân chính dẫn đến tăng doanh thu chung 8,49% so với năm 2010.

Qua biểu đồ dưới đây cho thấy, tỷ trọng doanh thu theo nhóm hàng trên tổng doanh thu năm 2011 có một số thay đổi nhưng không nhiều, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là hàng sản xuất: 60,45% - vượt chỉ tiêu kế hoạch (60% tổng doanh thu) và tăng 5,77% so với năm 2010 (54,68%). Sự dịch chuyển tỷ trọng doanh thu về các mặt hàng sản xuất một phần là do sự sụt giảm của hàng kinh doanh. Tuy nhiên, điều đó cũng chứng tỏ các sản phẩm của Công ty đã dần được thị trường chấp nhận. Về dài hạn, việc gia tăng tỷ trọng hàng sản xuất sẽ giúp công ty duy trì tỷ suất lợi nhuận gộp cao và cạnh tranh với các công ty dược phẩm khác trong ngành.

Báo cáo của Ban điều hành

1.2. Doanh thu theo nhóm hàng do công ty sản xuất

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2010		So sánh % tăng/ giảm	
	Sản lượng (đvsp)	Doanh thu	Sản lượng (đvsp)	Doanh thu	Sản lượng	Doanh thu
1. Thuốc giảm đau, hạ sốt, nhóm chống viêm không Steroide, thuốc điều trị gút ...	161.425.667	60.200.958.437	134.101.217	45.730.333.317	20,38%	31,64%
2. Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn cảm	26.830.831	5.639.283.564	20.638.864	4.337.861.120	30,00%	30,00%
3. Thuốc cấp cứu và chống độc	12.352.260	2.685.590.467	12.258.640	2.331.326.233	0,76%	15,20%
4. Thuốc chống rối loạn tâm thần	14.254.450	2.893.274.835	11.824.900	2.384.197.915	20,55%	21,35%
5. Thuốc chống nhiễm khuẩn	379.818.106	390.268.068.377	386.696.596	351.734.874.404	-1,78%	10,96%
6. Thuốc hỗ trợ trong điều trị bệnh đường tiết niệu	26.830.831	5.639.283.564	20.638.864	4.337.861.120	30,00%	30,00%
7. Thuốc tim mạch	144.870.574	98.894.159.073	118.092.856	71.914.370.775	22,68%	37,52%
8. Thuốc đường tiêu hóa	79.431.715	35.462.693.558	71.124.496	29.223.137.401	11,68%	21,35%
9. Hormon, nội tiết tố	174.688.265	50.844.561.493	135.134.646	31.757.111.442	29,27%	60,10%
10. Nhóm phụ trị bệnh tiểu đường	10.495.700	2.970.494.382	8.519.800	2.428.769.129	23,19%	22,30%
11. Thuốc giãn cơ và giảm đau	14.290.775	2.848.922.162	12.243.150	2.187.126.041	16,72%	30,26%
12. Thuốc tác dụng trên hô hấp	133.466.985	61.523.680.211	90.515.069	34.085.698.691	47,45%	80,50%
13. Nhóm khoáng chất và vitamin	36.343.215	21.163.263.312	27.095.082	16.796.970.846	34,13%	25,99%
14. Thuốc tác dụng đối với máu	56.600	16.992.000	82.200	22.752.000	-31,14%	-25,32%
15. Thuốc diệt khuẩn	210.449	946.240.723	257.471	1.128.579.889	-18,26%	-16,16%
16. Thuốc tác dụng lên bệnh lý đường âm đạo	228.660	235.071.132	211.580	422.281.152	8,07%	-44,33%
17. Thuốc chống béo phì / Anti-obesity medication	392	1.710.016	1.063.384	5.954.305.200	-99,96%	-99,97%
18. Thuốc có nguồn gốc Cây & Con	41.065.665	20.267.102.741	64.570.168	9.117.527.496	-36,40%	122,29%
19. Thực phẩm chức năng	158.399.341	25.369.595.146	102.120.554	15.227.676.673	55,11%	66,60%
Cộng	1.408.917.210	798.921.120.031	1.215.849.473	641.054.192.447	15,88%	24,63%

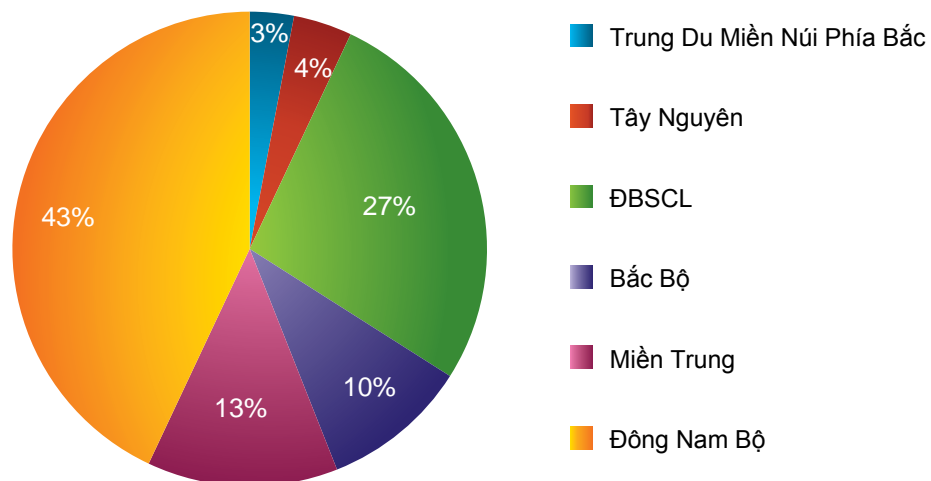
Năm 2011, Sản lượng bán ra của hàng sản xuất tăng mạnh so với cùng kỳ là 15,88% và doanh thu chung của hàng sản xuất tăng 24,63% là nét nổi bật chính, chính sự gia tăng doanh thu của hàng sản xuất bù đắp đi phần sụt giảm doanh thu của nhóm hàng kinh doanh nên doanh thu chung chỉ tăng 8,49%. Hoạt động kinh doanh của DOMESCO đánh dấu sự tiếp tục tăng trưởng về doanh thu so với năm 2010 của các nhóm sản phẩm chủ lực. Trong đó, nổi bật là nhóm thuốc tim mạch 37,52%, thuốc tác dụng trên hô hấp 80,5%, nhóm Hormon và nội tiết tố tăng 60,1%. Điều này chứng tỏ mặc dù trong thời kỳ suy thoái kinh tế và các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh tràn ngập thị trường, các sản phẩm chủ lực của công ty vẫn được người tiêu dùng chấp nhận và tiêu thụ mạnh.

1.3. Xuất khẩu

Khoản mục (đồng)	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/giảm
Doanh thu xuất khẩu (USD)	1,173,275	731,223	442,052	60.45%

Về hoạt động xuất khẩu, trong năm 2011, doanh số tiêu thụ tại thị trường nước ngoài của Công ty tiếp tục tăng trưởng, đạt kim ngạch xuất khẩu 1.173.275 USD, tăng mạnh 442.052 USD so với năm ngoái, tương đương tỷ lệ 60,45%. Doanh thu xuất khẩu vào thị trường Myanmar phát triển khá mạnh nhờ khai thác hiệu quả hệ thống bán lẻ tại thị trường này. Với việc đảm bảo uy tín với đối tác nước ngoài, DOMESCO đã gia tăng số Visa được phép tại các thị trường Myanmar, Philippines, ... Ngoài ra, cùng với sự hợp tác chiến lược của CFR International Spa Chi Lê dự báo xuất khẩu của DOMESCO sẽ tăng mạnh vào thị trường Nam Mỹ trong năm 2013 sau khi hoàn thành các thủ tục xin số Visa ở các quốc gia này.

Thị phần và Thị trường tiêu thụ



Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý Dược (tạm tính), tổng trị giá thuốc sử dụng trong cả nước đạt 1,938 tỉ USD, trong đó thuốc sản xuất trong nước là 950 triệu USD, Công ty DOMESCO chiếm 2,95% thị phần về giá trị thuốc sản xuất trong nước và 3,59% về hàng sản xuất trong nước. Trong đó, thị trường chủ yếu của Công ty vẫn tập trung tại ba khu vực là Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), TP.HCM và Miền Bắc, chiếm hơn 76% tổng doanh thu.

Trong năm 2011, Công ty đã thành công trong việc mở rộng thị phần tại các tỉnh phía Bắc và duy trì thị phần tại các thị trường truyền thống là ĐBSCL và TP.HCM mặc dù phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các đối thủ cùng ngành.

Báo cáo của Ban điều hành

1.4. Lợi nhuận gộp

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/giảm
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	373.660.104.727	315.161.924.823	58.498.179.904	18,56%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần	33,01%	30,20%	2,80%	9,28%
Tỷ suất lợi nhuận gộp theo nhóm hàng				
Hàng kinh doanh	9,07%	8,94%	0,13%	1,43%
Sản xuất thuốc	39,57%	38,89%	0,68%	1,75%
Sản xuất nước tinh khiết	40,03%	46,89%	-6,86%	-14,63%
Sản xuất Rượu	11,32%	38,30%	-26,98%	-70,45%

Lợi nhuận gộp trong năm 2011 của Công ty đạt 373,660 tỷ đồng, tăng 18,56% so với cùng kỳ. Thành quả đạt được do Công ty đã thực hiện Chiến lược đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm do Công ty tự sản xuất và giảm dần tỷ trọng của nhóm doanh thu bán hàng hóa. Các mặt hàng sản xuất của Công ty có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn so với các nhóm hàng khác, bình quân đạt khoảng 40% - 55% trên doanh thu.

Xét theo nhóm hàng, tỷ suất lợi nhuận gộp của sản phẩm thuốc của công ty tăng 0,68% so với năm 2010, đây là yếu tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng lợi nhuận gộp của công ty. Tuy nhiên, các nhóm hàng khác đều chịu sự sụt giảm về tỷ suất lợi nhuận gộp, đặc biệt là nhóm hàng rượu và nước tinh khiết. Điều này là do chi phí nguyên vật liệu và chi phí đầu vào tăng lên trong khi giá bán khó có thể điều chỉnh tăng tương ứng do sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm tương tự trên thị trường.

2. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/giảm
Doanh thu hoạt động tài chính	11.839.727.804	7.918.126.468	3.921.601.336	49,53%
Chi phí tài chính	20.347.353.591	20.038.179.147	309.174.444	1,54%
Trong đó: chi phí lãi vay	10.919.960.891	14.033.238.359	(3.113.277.468)	-22,19%
Tỷ suất chi phí tài chính / doanh thu thuần	1,80%	1,92%	-0,12%	-6,41%

Năm 2011, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty đạt 11,839 tỷ đồng, tăng 3,921 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 49,53% so với năm 2010. Nguyên nhân tăng từ chủ trương thoái vốn các khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Dược VTYT Bình Thuận, Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Nam thành công và mang về khoản thu nhập 2,123 tỷ đồng. Bên cạnh đó lãi tiền gửi tăng mạnh trên 2,175 tỷ đồng từ việc sử dụng hợp lý các khoản tiền ký quỹ, ký cược cùng khoản thu nhập từ cổ tức được chi là 2,175 tỷ đồng. Ngoài ra, chi phí tài chính tăng không đáng kể so với cùng kỳ mặc dù chịu sự tác động lớn của tỷ giá vào thời điểm đầu năm khi Ngân hàng nhà nước tăng tỷ lệ thêm 9,3%. Nguyên nhân tăng là do phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư

dài hạn vào thời điểm cuối năm. Đáng chú ý nhất là chi phí lãi vay trong năm 2011 giảm mạnh so với năm 2010 với mức giảm 3,113 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 22,19%. Nguyên nhân là do công ty đã cơ cấu tốt các khoản tồn kho, tái cơ cấu các khoản đầu tư, bán cổ phiếu quỹ thành công cho nhà đầu tư chiến lược CFR International Spa (Chile), đem về một lượng tiền lớn cho Công ty vào cuối năm. Đây là thành công lớn nhất của công ty trong giai đoạn khó khăn về tài chính mà vẫn cơ cấu được gần hết các khoản đầu tư dài hạn và liên kết.

Cụ thể các khoản cơ cấu thành công trong năm 2011 là:

Khoản mục	Giá bán	Giá mua	Lãi/Lỗ	Tỷ lệ
CTCP Dược Vật tư Y Tế Bình Thuận	7.173.098.500	5.239.200.000	1.933.898.500	36,91%
Công ty cổ phẩm Dược phẩm Việt Nam	200.000.000	10.000.000	190.000.000	1900%
Công ty cổ phần Domenal	40.000.000.000	40.000.000.000	-	0%
Cổ phiếu Quỹ	16.208.301.000	15.737.386.415	470.914.585	2,99%
Tổng cộng	63.581.399.500	60.986.586.415	2.594.813.085	4,08%

Ngoài ra, chỉ tiêu chi phí tài chính trên doanh thu thuần của công ty trong năm 2011 rất tốt chỉ 1,80% so với mức 1,92% của năm 2010 và là tỷ lệ rất nhỏ so với các công ty cùng ngành. Rất an toàn.

Năm 2011 là một năm khá thành công của hoạt động tài chính, nổi bật là Công ty vinh dự được Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xếp hạng tín dụng năm tài chính 2011 là AAA. Năm 2011 cũng là năm mà thị trường chứng khoán nói chung và cổ phiếu các doanh nghiệp dược nói riêng bị mất giá và giảm điểm nghiêm trọng. Tuy nhiên, Công ty đã rất thành công trong việc đàm phán để bán các cổ phiếu sở hữu với giá cao hơn giá mua ban đầu. Cụ thể:

- Thành công trong việc bán toàn bộ CP tại Công ty dược Bình Thuận với giá 25,213 đồng, mang lại lợi nhuận gần 2 tỷ đồng.
- Bán được cổ phiếu tại Công ty Cổ phần dược phẩm CPV với giá gấp 20 lần, mang lại lợi nhuận 190.000.000 đồng
- Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần thức ăn gia súc DOMENAL với tổng giá trị 40 tỷ đồng. Trong đó đã thu được 20 tỷ, còn 20 tỷ sẽ thu hoàn tất vào quý 1 năm 2012.
- Bán thành công cổ phiếu quỹ cho đối tác chiến lược CFR với giá 53.000 đồng so với giá ban đầu là 51.460,14 đồng, mang lại lợi nhuận thặng dư là 470.914.585 đồng.

Như vậy trong năm 2011, hoạt động tài chính đã đem lại lợi nhuận cho Công ty là 2.594.813.085 đồng.

- Đối với Domedic : Đã thỏa thuận với đối tác về các điều khoản thực hiện cam kết, dự kiến sẽ hoàn tất việc thoái vốn trong quý 1 năm 2012.
- Đối với CTCP bao bì Vĩnh Tường: đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu lại hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành nhằm mục đích tái cấu trúc hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Đang tìm đối tác để chuyển nhượng cổ phần của CTCP dược phẩm An Giang và CTCP Dược VTYT Tây Ninh.

Ngoài ra, trong năm 2011 Công ty cũng đã tiến hành ký MOU với Công ty TNHH đầu tư Á Châu để chuyển nhượng 1.350.000 cp của Công ty cổ phần Y Dược Domedic mà công ty đang nắm giữ với giá 11.500 đ/cp và sẽ giao dịch trong năm 2012. Việc chuyển nhượng này sẽ đem lại cho Công ty khoản lợi nhuận từ đầu tư tài chính là 1,954.800.000 đồng sẽ được hạch toán vào năm 2012.

Báo cáo của Ban điều hành

2.1. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Chi phí bán hàng				
Chi phí bán hàng	142.604.011.690	98.653.855.931	43.950.155.759	44,55%
Tỷ suất chi phí bán hàng /doanh thu thuần	12,60%	9,45%	3,14%	33,23%
Chi phí quản lý				
Chi phí quản lý	104.688.283.471	91.096.086.944	13.592.196.527	14,92%
Tỷ suất chi phí quản lý / doanh thu thuần	9,25%	8,73%	0,52%	5,92%

Chi phí bán hàng của Công ty năm 2011 tăng rất mạnh với tỷ lệ 44,55% so với cùng kỳ và chi phí bán hàng trên tổng doanh thu thuần trong năm 2011 tăng so với cùng kỳ là 3,18%. Nguyên nhân là doanh số bán hàng sản xuất của công ty tăng mạnh làm chi phí bán hàng tăng tương ứng. Ngoài ra, chi phí bán hàng trong năm 2011 còn chịu ảnh hưởng lớn từ việc phải gánh phần chi phí bán hàng của doanh thu phát sinh năm 2010 nhưng chưa hạch toán chi phí đưa sang và trích lập dự phòng chi phí phải trả về bán hàng trong năm 2011 chưa chi là 11,127 tỷ đồng.

Tỷ suất chi phí quản lý trên doanh thu thuần trong năm 2011 là 9,25% và tăng nhẹ so với cùng kỳ là 0,52%. Nguyên nhân của việc chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 tăng so với năm 2010 chủ yếu là do tăng khấu hao, tăng lương và tăng các khoản chi phí về chi phí bảo vệ, chi phí tiền xăng dầu do giá xăng tăng trong năm 2011. Ngoài ra, Công ty đã tiến hành đổi mới công tác hậu cần, quy trình vận hành và kiểm tra chất lượng doanh nghiệp thông qua chương trình 6 Sigma. Công ty cũng bắt đầu ứng dụng tin học vào các hoạt động quản trị thông qua hệ thống Enterprise Resource Training (ERP) kèm theo tiết giảm các khoản chi phí không thật cần thiết khác.

2.2. Lợi nhuận khác

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Thu nhập khác	261.577.944	98.791.761	162.786.183	164,78%
Chi phí khác	10.741.691	3.013.732	7.727.959	256,42%
Lợi nhuận khác	250.836.253	95.778.029	155.058.224	161,89%

Lợi nhuận khác của công ty trong năm 2011 là 250 triệu tăng 161,89% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do trong năm 2011 công ty tiến hành thanh lý một số tài sản đã hết khấu hao và một phần thu hồi lại chi phí hợp tác đào tạo được.

2.3. Lợi nhuận thuần

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	373.660.104.727	315.161.924.823	58.498.179.904	18,56%
Lợi nhuận thuần	80.103.348.441	82.791.634.722	-2.688.286.281	-3,25%
Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu (%)	7,08%	7,93%	-0,86%	-10,72%

Lợi nhuận thuần năm 2011 của Công ty đạt 80,103 tỷ đồng, giảm 3,25% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu thuần năm 2011 đạt 7,08% và giảm 0,86% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do chi phí bán hàng, chi phí quản lý tăng 57,542 tỷ tương ứng với mức tăng lợi nhuận gộp nhưng do chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 tăng mạnh từ mức 30 tỷ lên 38 tỷ nên làm cho lợi nhuận thuần giảm 3,25% so với cùng kỳ mặc dù Lợi nhuận trước thuế năm 2011 tăng 4% so với cùng kỳ. Do đó, để cải thiện lợi nhuận thuần trong năm 2012 Công ty đang đặt ra kế hoạch giảm phần chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi vượt mức quy định để giảm số thuế phải nộp thêm sẽ gia tăng được lợi nhuận thuần trong năm 2012.

2.4. Tài sản cố định

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Tài sản cố định hữu hình	219.952.305.631	181.295.165.767	38.657.139.864	21,32%
Tài sản cố định vô hình	37.720.670.808	38.154.107.719	-433.436.911	-1,14%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.367.652.613	23.489.612.641	2.878.039.972	12,25%

Trong năm 2011, tài sản cố định hữu hình tăng 21,32 % từ 181,295 tỷ đồng lên 219,952 tỷ đồng, chủ yếu là do Công ty đã hoàn tất và chuyển giao phần giá trị xây dựng và các thiết bị lắp đặt của nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu từ khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang vào khoản mục Tài sản cố định của Công ty. Tài sản cố định vô hình không thay đổi đáng kể, giảm từ 38,154 tỷ đồng xuống 37,720 tỷ đồng do khấu hao. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là khoản Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân tạo chưa được cấp chủ quyền là 12,929 tỷ đồng và chi phí xây dựng hệ thống xử lý nước thải 7,199 tỷ đồng tại Khu công nghiệp Cần Lố của Công ty chưa nghiệm thu.

Báo cáo của Ban điều hành

2.5. Vốn lưu động

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Phải thu khách hàng	216.025.205.487	178.312.460.440	37.712.745.047	21,15%
Hàng tồn kho	188.122.862.538	199.460.540.525	(11.337.677.987)	-5,68%
Phải trả khách hàng	51.249.652.183	42.640.270.151	8.609.382.032	20,19%
Chu kỳ kinh doanh (ngày)	139.36	130.62	8.74	6,69%
Số ngày phải thu trung bình	68.69	67.52	1.17	1,73%
Số ngày tồn kho trung bình	93.27	91.93	1.34	1,46%
Số ngày phải trả trung bình	22.59	28.83	-6.23	-21,62%

Trong năm 2011, các khoản phải thu khách hàng tăng từ 178,312 tỷ đồng lên 216 tỷ đồng, tương đương 21,15% nguyên nhân do trong năm 2011 tỷ lệ bán hàng vào hệ điều trị của công ty tăng khá mạnh lên mức 30% tổng doanh thu và một phần là do các công ty dược nhỏ tại các Tỉnh chậm thanh toán. Do tình hình kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp nhỏ khó tiếp cận được vốn với chi phí thấp nên tranh thủ chiếm dụng vốn của các nhà cung cấp lớn, trong đó, bao gồm cả khoản phải trả của công ty cũng tăng từ 42,640 tỷ đồng lên 51,249 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 20,19% so với cùng kỳ do công ty đạt được thỏa thuận với các nhà cung cấp thay đổi phương thức thanh toán.

Xét về hiệu quả hoạt động, số ngày phải thu và số ngày tồn kho trung bình của DOMESCO trong năm 2011 đều cao hơn cùng kỳ, trong khi số ngày phải trả trung bình lại bị rút ngắn, khiến cho chu kỳ kinh doanh của Công ty dài hơn 8,74 ngày so với năm 2010. Điều này là do mặt bằng lãi suất biến động liên tục, khiến một số khách hàng có khuynh hướng chiếm dụng vốn và chậm thanh toán cho DOMESCO, nhưng công ty vẫn phải chủ động thanh toán cho các nhà cung cấp để giữ uy tín. Số ngày tồn kho cũng kéo dài do vòng quay hàng tồn kho trong năm 2011 chậm hơn so với cùng kỳ.

2.6. Đầu tư tài chính

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Đầu tư vào công ty con	8.500.000.000	4.500.000.000	4.000.000.000	88,89%
Đầu tư vào công ty liên kết	33.570.200.000	73.570.200.000	(40.000.000.000)	-54,37%
Đầu tư dài hạn khác	713.780.000	5.962.980.000	(5.249.200.000)	-88,03%

Đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH DOMENOL ("DOMENOL") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2010 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh cồn công nghiệp. DOMENOL đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục hành chính để có Giấy chứng nhận điều chỉnh về việc nâng vốn điều lệ lên 12 tỷ đồng, trong đó, Công ty góp 9 tỷ đồng (75% vốn điều lệ).

Đầu tư vào công ty liên kết: trong năm 2011 giảm 40 tỷ đồng từ mức 73,570 tỷ đồng xuống còn 33,570 tỷ đồng là do Công ty tiến hành thoái vốn của Công ty cổ phần Domenal cho Công ty cổ phần An Đại Việt với mức giá bằng mệnh giá và đã thu về trong năm 2011 là 20 tỷ, 20 tỷ còn lại sẽ thu dứt điểm trong Quý 1/2012. Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2012.

Đầu tư dài hạn khác: trong năm 2011, từ mức 5,962 tỷ đồng đã giảm 5,249 tỷ đồng xuống còn 0,713 tỷ đồng là do Công ty tiến hành thoái vốn của Công ty cổ phần Dược VTYT Bình Thuận với giá bán 25.213 đ/cổ phiếu theo giá bán bình quân đầu giá của SCIC cho Quỹ đầu tư Y tế Bản Việt; Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Nam với mức giá 200.000 đ/cp cho chính Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Nam và đã thu được khoản thu nhập tài chính và làm gia tăng thặng dư là 2,123 tỷ đồng trong năm 2011. Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2012.

2.7. Vay nợ ngắn hạn và dài hạn

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Vay nợ ngắn hạn	112.681.116.911	112.982.981.362	(301.864.451)	-0,27%
Vay nợ dài hạn	16.667.401.700	24.084.901.700	(7.417.500.000)	-30,80%
Tổng nợ vay chịu lãi	129.348.518.611	137.067.883.062	(7.719.364.451)	-5,63%
Tổng nợ vay chịu lãi/Vốn CSH (lần)	0,22	0,25	(0,03)	-10,38%
Lợi nhuận trước lãi vay/Chi phí lãi vay (lần)	8,34	6,90	1,44	20,81%

Trong năm, Công ty đã giảm các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn với ngân hàng do lãi suất không thuận lợi. Tổng nợ vay giảm 7,719 tỷ đồng trong năm 2011, thấp hơn 5,63% so với cùng kỳ. Các khoản nợ vay này nhằm tài trợ cho nguồn vốn lưu động của công ty, chủ yếu là thanh toán cho các nhà cung cấp. Việc giảm các khoản vay khiến chỉ số đòn bẩy nợ giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, cơ cấu vốn của Công ty vẫn được giữ ở mức rất an toàn (tổng nợ vay chịu lãi chỉ chiếm 22% vốn chủ sở hữu) và khả năng thanh toán lãi vay vẫn được duy trì ở mức cao (8,34 lần).

2.8. Vốn và cổ tức

Khoản mục	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Vốn chủ sở hữu	178.093.360.000	178.093.360.000	-	0,00%
Cổ phiếu quỹ	-	(15.737.386.415)	15.737.386.415	-100,00%
Cổ tức trên 1 cổ phiếu (đồng)	2.200	2.200	-	0,00%

Trong năm 2011, Công ty không có đợt tăng vốn điều lệ nào và trong năm 2011 Công ty đã tiến hành bán toàn bộ số 305.817 cổ phiếu quỹ cho đối tác chiến lược là CFR International Spa (Chile) với mức giá 53.000 đ/cổ phiếu và thu tiền về trong năm 2011.

Công ty dự kiến sẽ chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 22%, bằng với tỷ lệ chia cổ tức của năm 2010 và vào ngày 20/01/2012 đã tiến hành thanh toán đợt 1 cổ tức năm 2011 là 10%. Phần còn lại 12% dự kiến sẽ thanh toán trong tháng 05/2012.

3. Về công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật

3.1. Về khoa học kỹ thuật

- Tổng kết tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Đồng Tháp lần VIII năm 2010, DOMESCO đạt được 16 giải thưởng: 01 giải A, 07 giải B, 05 giải C và 03 giải khuyến khích.
- Đạt 01 giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc (VIFOTEC) lần thứ 11 (năm 2010-2011) “Xây dựng quy trình khép kín từ nuôi trồng nấm Linh Chi đến thu nhận bào tử, ứng dụng bào chế sản phẩm bào tử Linh chi phá vách”.
- Tham gia dự thi Festival toàn quốc (dành cho thanh niên có độ tuổi dưới 35 tuổi): đạt 03 giải pháp/ 05 giải pháp tham gia.
- Đạt giải thưởng Khoa học kỹ thuật Thanh niên mang tên “Quả Cầu Vàng” năm 2011 do Trung ương Đoàn TNCS HCM phát động. Công trình nghiên cứu “Xây dựng và tối ưu hóa công thức viên ZINMAX - DOMESCO 500mg với sự hỗ trợ của phần mềm tin học”
- Tham gia dự thi Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật của tỉnh Đồng Tháp lần IX năm 2011, Công ty tham gia với 24 giải pháp. Kết quả đạt 18/24 giải pháp: 01 giải A, 02 giải B, 09 giải C và 06 giải khuyến khích.
- Xây dựng quy trình nuôi trồng nghiên cứu tác dụng dược lý và dạng bào chế thích hợp cho nấm Thái Dương.
- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tổng hợp Enzyme Nattokinase từ đậu nành và nghiên cứu sản phẩm thực phẩm chức năng dạng viên 300 FU/viên.

3.2. Công tác đăng ký và quản lý sản phẩm

Trong năm 2011, được cấp số đăng ký 77 mặt hàng, trong đó được cấp số đăng ký mới là 16, đăng lý lại là 61.

- Tính đến thời điểm 31/12/2011, có 367 sản phẩm được cấp số đăng ký. Trong đó, Hóa dược: 297 sản phẩm, Dược liệu: 20 sản phẩm, TP – TPCN: 44 sản phẩm, Mỹ phẩm: 02 sản phẩm, TPCN nhập khẩu: 04 sản phẩm.
- Tổng số hoạt chất chính sử dụng: 298 hoạt chất (Hóa dược: 187; Dược liệu: 32; TP-TPCN: 74; Mỹ phẩm: 5).
- Đã đưa vào sản xuất: 271 sản phẩm (Non Betalactam: 179; Dược liệu: 20; Cephalosporin: 35; Penicillin: 13; TP-TPCN: 24).

3.3. Công tác Dược chính

- Triển khai kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về dược và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Trong năm 2011, Cục QLD có tiến hành kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh thuốc có chứa tiền chất dùng làm thuốc pseudoephedrin (07/2011). Sở Y tế Đồng Tháp có tiến hành thanh tra việc thực hiện quy định về sản xuất thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc.

Kết quả: Công ty áp dụng đúng các quy định, cần duy trì áp dụng, tăng cường công tác quản lý các thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất, đặc biệt là thuốc thành phẩm ở dạng phối hợp.

3.4. BA/BE & Lâm sàng

Hiện đã có 11 sản phẩm đạt BA/BE là:

- | | |
|-----------------------------|------------------------------|
| 1- Amlodipin 5 mg viên nang | 7- Dorocron MR 30mg |
| 2- Dorodipin 10mg | 8- Zinmax-DOMESCO 500 mg |
| 3- Glucofine 500mg | 9- Ofmantin - DOMESCO 625 mg |
| 4- Glucofine 850mg | 10- Dorotor 20 mg |
| 5- Glucofine 1000 mg | 11- Cefixim 100 mg gói |
| 6- Vosfarel MR 35 mg | |

Liên hệ và gửi mẫu thử 06 sản phẩm: Docifix 200 mg film, Cefixim 100 mg nang, Cefixim 200 mg nang, Zinmax 125 mg (thuốc bột), Clarithromycin 500 mg, Donox 60 MR (Máy LCMSMS công ty).

3.5. Về phát triển sản phẩm

Về Hóa dược

- Làm mẫu nghiên cứu trong năm 2011: 585 mẫu (hóa dược: 502; thành phẩm dược liệu: 83).
- Nghiên cứu mới tập trung phát triển theo 09 nhóm sản phẩm theo định hướng của Công ty. Đã triển khai được 04 sản phẩm viên phóng thích kéo dài với 03 hoạt chất là: Vosfarel 35mg MR (Trimetazidin.2HCl), Dorocron 30mg (Gliclazid), Donox 30mg và Donox 60mg (Isosorbid mononitrat).
- Được cấp số đăng ký mới 14 sản phẩm. Triển khai sản xuất 10 sản phẩm mới.

Về Thực phẩm chức năng: được cấp số công bố mới 02 sản phẩm. Triển khai sản xuất sản phẩm mới là 01 sản phẩm.

Về Công nghệ sinh học

- Làm mẫu nghiên cứu: 85 mẫu.
- Sản xuất phôi nấm Bào ngư: 2 hợp đồng.
- Nuôi trồng nấm Hầu Thủ: 02 lô.
- Nuôi cấy mô cung cấp giống cho TT NT&PTDL: 1.500 cây giống ngải xanh (*Curcuma aeruginosa* Roxb) và 700 cây giống nghệ đen (*Curcuma zedoria*).

4. Công tác chất lượng

4.1. Công tác kiểm tra chất lượng (QC)

- Thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng GLP và ISO/IEC 17025.
- Kiểm nghiệm cho sản xuất tổng số là 10.304 mẫu (không kể các loại mẫu thẩm định), đạt 91,98% so với cùng kỳ (2010: 11.202 mẫu). Kiểm mẫu cho Trung tâm nghiên cứu là 2.005 mẫu, tăng 29,52% so với cùng kỳ (2010: 1.548 mẫu).
- Công tác xây dựng tiêu chuẩn đăng ký: Hoàn thành 62 tiêu chuẩn đăng ký dược phẩm, trong đó 06 tiêu chuẩn đăng ký mới, 56 tiêu chuẩn đăng ký lại. Hoàn thành 16 tiêu chuẩn đăng ký thực phẩm chức năng.

4.2. Công tác đảm bảo chất lượng (QA)

Việc tuân thủ các nguyên tắc của GMP ngày càng đòi hỏi cao. Các quá trình thẩm định được tiến hành đúng kế hoạch và có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan.

5. Công tác nuôi trồng và phát triển dược liệu

Trồng dược liệu tại Tịnh Biên – An Giang:

- Thu hoạch được trên 4 tấn Nghệ Xà Cừ. Xây dựng quy trình sơ chế và nhập kho trên 500 kg Nghệ khô.
- Hợp tác trồng dược liệu và bao tiêu sản phẩm cây Gừng Gió với diện tích khoảng 0,5 ha.

Về Thực phẩm chức năng: được cấp số công bố mới 02 sản phẩm. Triển khai sản xuất sản phẩm mới là 01 sản phẩm.

Trồng dược liệu tại vùng Bảy Núi – An Giang:

- Liên hệ hợp tác với trường Đại Học Cần Thơ nghiên cứu các quy trình nuôi trồng và phát triển vùng dược liệu theo định hướng “04 trường + 01 Viện + 01 Công ty” và hợp đồng bao tiêu 02 ha Gấc có hàm lượng β -caroten và Lycopen cao.
- Nghiên cứu trồng Thanh Hao Hoa Vàng cho kết quả hàm lượng Artemisinin trong lá rất cao.
- Đã ký thỏa thuận tài trợ kinh phí với tổ chức GCF (chương trình hỗ trợ cạnh tranh toàn cầu do Chính phủ Đan Mạch tài trợ).

Kết hợp Trường ĐH Cần Thơ và Trung tâm Nghiên cứu & Chuyển giao Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Phú Quốc để thực hiện nghiên cứu các đề tài theo dự án Chiết xuất Piperin từ hồ tiêu.

6. Kỹ thuật năng lượng và môi trường

- Thực hiện việc thẩm định, kiểm định, hiệu chỉnh thiết bị đo lường và đánh giá hệ thống thiết bị sản xuất và thiết bị phụ trợ kịp thời theo kế hoạch và quy định của GMP WHO (các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, thiết bị đo lường của IPC).
- Thực hiện việc bảo trì – bảo dưỡng thiết bị sản xuất đầy đủ theo kế hoạch.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động, PCCC và sơ cấp cứu đầy đủ, đào tạo cấp thẻ ATLĐ đúng thủ tục & đầy đủ trước khi công nhân vào vận hành thiết bị.
- Các chất thải nguy hại được xử lý đúng theo các yêu cầu ISO và luật định. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát môi trường chặt chẽ theo các tiêu chuẩn hiện hành và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan chức năng.

7. Hoạt động quản lý chất lượng:

Trong năm 2011 công ty đã thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng GLP và ISO/IEC 17025. Trong đó:

- Kiểm nghiệm cho sản lượng đạt 91,98% so với năm 2010. Kiểm mẫu cho Trung tâm nghiên cứu tăng 29,52% so với cùng kỳ.
- Công tác xây dựng tiêu chuẩn đăng ký: Hoàn thành 62 tiêu chuẩn đăng ký dược phẩm, trong đó 06 tiêu chuẩn đăng ký mới, 56 tiêu chuẩn đăng ký lại, hoàn thành 16 tiêu chuẩn đăng ký thực phẩm chức năng.

Sự tuân thủ các nguyên tắc của GMP ngày càng cao. Các quá trình thẩm định được tiến hành đúng kế hoạch và có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các BP liên quan.

Chiến lược quản lý chất lượng được thực hiện theo quy trình như sau:



8. Công nghệ thông tin

Hệ Thống Phần mềm ERP: tiếp tục được hoàn chỉnh để đáp ứng theo nhu cầu sử dụng và phát triển của hệ thống kinh doanh. Triển khai các module mới: Module Quản trị nguồn nguyên liệu & XNK; Module Quản trị chi phí; Module SMS – SCM (Kết nối kênh SMS vào ERP để thực hiện chuỗi cung ứng). Hiện nay, ERP đã được kiểm soát toàn bộ số liệu trong toàn bộ hệ thống nên các cấp quản lý ở các bộ phận sử dụng hệ thống ERP tiện lợi và hiệu quả hơn.

Hệ thống thông tin nội bộ: Hệ thống mail nội đã được nâng cấp và áp dụng đến tất cả các bộ phận trong toàn bộ hệ thống có hiệu quả cao, giúp cho việc truyền đạt thông tin nhanh chóng và hiệu quả. Công ty còn lắp đặt mạng Internet cáp quang tốc độ cao để phục vụ nhu cầu trao đổi và truy cập thông tin kịp thời. Ngoài ra áp dụng hệ thống họp trực tuyến đã mang lại hiệu quả thiết thực, tiết kiệm chi phí đi lại và thời gian của cấp quản lý ở xa.

9. Quan hệ nhà đầu tư

Mục tiêu của Domesco là tìm Nhà đầu tư cùng ngành dược để hỗ trợ về phát triển mạng lưới kinh doanh và công nghệ sản xuất tiên tiến. Trong năm 2011 DMC đã tìm được đối tác chiến lược là CFR International Spa của Chi Lê và đối tác CFR Int'L Spa đã tham gia vào HĐQT và cùng DOMESCO hoạch định kế hoạch hợp tác sản xuất, kinh doanh trong tương lai. Cũng trong năm 2011, DOMESCO được vinh hạnh là 1 trong 21 Công ty niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư tốt nhất do Vietstock tổ chức khảo sát.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	2011	2010	2009	2008
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	1.132.056.081.656	1.043.439.497.848	1.067.897.302.992	937.760.612.839
Lợi nhuận gộp	373.660.104.727	315.161.924.823	317.601.544.049	260.240.693.994
EBITDA	153.273.247.781	148.849.959.522	135.169.232.604	95.122.432.648
Lợi nhuận trước thuế	118.111.020.032	113.291.929.269	104.253.682.386	74.280.285.770
Lợi nhuận sau thuế	80.103.348.441	82.791.634.722	76.362.466.059	62.805.354.885
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tổng tài sản	833.995.960.294	766.808.516.669	709.977.129.026	612.928.612.485
Nợ ngắn hạn	244.851.002.247	195.047.112.250	197.575.918.877	140.196.968.796
Nợ dài hạn	13.727.067.264	25.269.520.449	15.148.513.897	1.639.683.799
Vốn chủ sở hữu	575.417.890.783	546.491.883.970	497.252.696.252	471.091.959.890
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	33,01%	30,20%	29,74%	27,75%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	7,08%	7,93%	7,15%	6,70%
ROA	9,60%	10,80%	10,76%	10,25%
ROE	13,92%	15,15%	15,36%	13,33%
Tổng nợ/Tổng tài sản	31,00%	28,73%	29,96%	23,14%
Trên 1 Cổ phiếu (đồng)				
EPS	4.576	4.730	4.363	4.628
Giá trị sổ sách	32.310	30.686	27.921	34.211
Cổ tức	2.200	2.200	2.000	2.000



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Domesco tiền thân là Công ty Vật tư Thiết bị Y tế, một doanh nghiệp Nhà nước thành lập năm 1985 và trực thuộc Sở Y Tế tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 1/1/2004, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng.

Ngày 25/12/2006, Domesco được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch tại SGDCK TP.HCM với mã chứng khoán là DMC. Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu là 10.700.000 cổ phiếu, Giá chào sàn: 130.000 đồng.

Khối lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại : 17.809.336 cổ phiếu.

Các cột mốc phát triển

- Năm 2005, công ty thực hiện tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên công ty và các đối tác chiến lược của công ty.
- Năm 2006, công ty tiếp tục phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối (19 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (8 tỷ đồng) để tăng vốn lên 107 tỷ đồng.
- Ngày 06/08/2007 công ty đã tăng vốn lên 137.699.990.000 đồng.
- Đến ngày 05/10/2009 công ty đã tăng vốn lên 178.093.360.000 đồng.



Sự kiện tiêu biểu & các giải thưởng đã nhận được



Giải thưởng Châu Á Thái Bình Dương hạng Xuất sắc (2002)



Huân chương Lao động Hạng Nhất (2005)



Chứng nhận Thực hành tốt sản xuất thuốc



Chứng chỉ chất lượng



Chứng chỉ (2005)



Chứng nhận Thực hành tốt sản xuất thuốc



Hàng Việt Nam chất lượng cao 2011



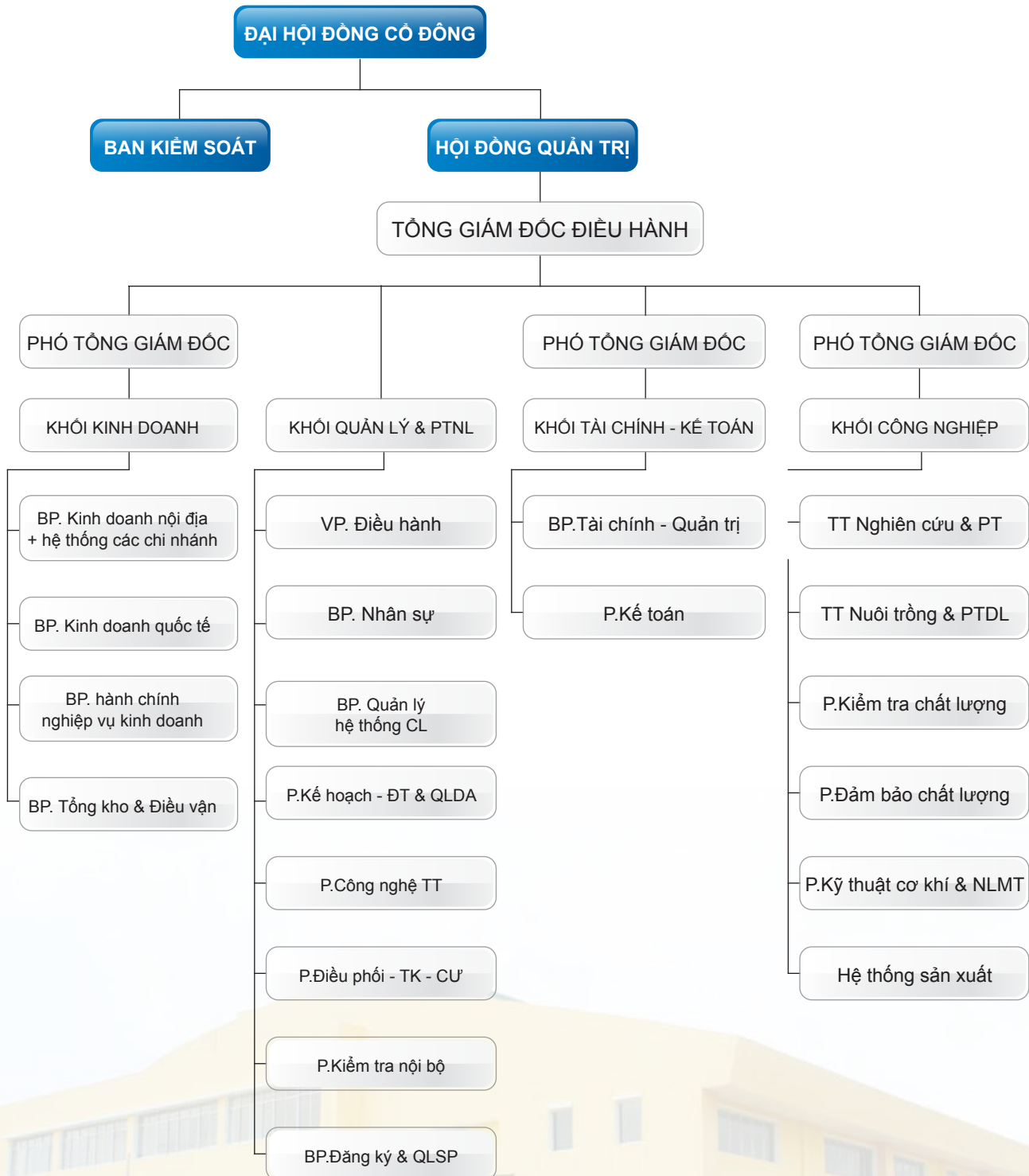
Chứng nhận (2008)



Chứng nhận Thương hiệu Việt hàng đầu

Và nhiều danh hiệu, các giải thưởng của Chính phủ, Bộ Công thương, các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và các tổ chức khác.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết

Danh sách các khoản đầu tư tài chính của Domesco vào thời điểm 31/12/2011 bao gồm:

STT	Công ty	VĐL	Tỷ lệ sở hữu	Tham gia HĐQT
1	Công ty CP Y Dược DOMEDIC	60.000.000.000	22,50%	Có
2	Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	50.000.000.000	20,00%	Có
3	Công ty TNHH DOMENOL	12.000.000.000	70,83%	Có

Công ty Cổ phần Y Dược Domic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.

Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

Công ty TNHH DOMENOL ("DOMENOL") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2010 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó, Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh cồn công nghiệp. DOMENOL đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục hành chính để có Giấy chứng nhận điều chỉnh về việc nâng vốn điều lệ lên 12 tỷ đồng, trong đó, Công ty góp 9 tỷ đồng (75% vốn điều lệ).

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm 2011

Khoản mục (triệu đồng)	DOMEDIC (Kiểm toán 2011)	DOMENOL	VIPACO
Doanh thu	30.503.536.209	Đang xây dựng	Chưa có số liệu
Lợi nhuận trước thuế	5.044.343.265	chưa hoạt động	
Lợi nhuận sau thuế	3.678.142.959		

CT TNHH Domenol là công ty con, được thành lập năm 2010 để xây dựng và vận hành dự án nhà máy sản xuất Cồn có công suất 1,5 triệu lít/năm. Công ty Domenol đã nghiệm thu hoàn thành phần xây lắp nhà máy vào tháng 12/2010 và đang tiến hành lắp đặt và hoàn thiện phần trang thiết bị cho nhà máy. Dự kiến nhà máy sẽ hoàn tất và đi vào hoạt động trong năm 2012.

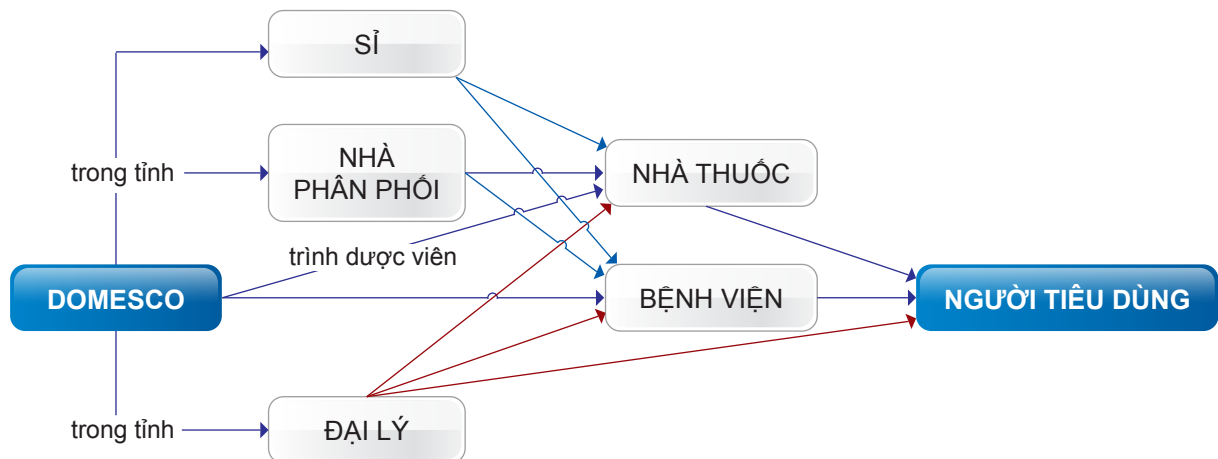
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VÀ THỊ TRƯỜNG

Chính sách của công ty đối với mạng lưới phân phối

DOMESCO đã chủ động đa dạng hóa các kênh phân phối của Công ty theo nhiều hình thức (hệ thống phân phối chính thức, hệ thống nhà thuốc, hệ thống khách hàng thông qua các cơ sở y tế, phòng khám, đại lý bán buôn) nhằm tiếp cận các phân khúc khách hàng mục tiêu và phổ biến các nhãn hiệu thuốc DOMESCO đến người tiêu dùng. Việc phát triển và mở rộng hệ thống phân phối giúp công ty duy trì lợi thế cạnh tranh so với các công ty dược phẩm trong và ngoài nước và hỗ trợ tích cực cho hoạt động bán hàng của công ty, đảm bảo việc điều phối cung cấp hàng hóa đúng, đủ và kịp thời theo nhu cầu thị trường.

Mạng lưới phân phối hiện tại

Hệ thống phân phối của công ty được phân làm hai hệ thống chính là hệ thống phân phối thông qua kênh thương mại và hệ thống phân phối qua kênh điều trị. Kênh thương mại bao gồm các nhà thuốc tư, đại lý, nhà phân phối chính, và hệ thống phân phối của công ty. Kênh điều trị bao gồm các kênh phân phối từ bệnh viện, chủ yếu phân phối các sản phẩm thuốc đặc trị và kháng sinh thế hệ mới.



Công ty đã không ngừng phát triển hệ thống phân phối, tập trung vào thị phần trong nước bằng cách phát triển chi nhánh, điều phối cung cấp hàng hoá đúng, đủ và kịp thời cho nhu cầu thị trường. Cho đến nay, Công ty đã có 9 chi nhánh cùng hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn GDP và các nhà thuốc đạt GPP như sau:

- Hệ thống phân phối – GDP: 9 chi nhánh phân phối trên toàn quốc, 2 văn phòng & 4 trung tâm phân phối trong tỉnh Đồng Tháp.
- Hệ thống nhà thuốc – GPP: 4 nhà thuốc bệnh viện trong tỉnh Đồng Tháp và 16 nhà thuốc tư nhân.
- Hệ thống khách hàng: 11.435 điểm bán thuốc, bao gồm: Nhà thuốc – cơ sở bán lẻ, Đại lý bán buôn, Bệnh viện/Trung tâm y tế/Trạm y tế, Phòng khám/Phòng mạch.

Chiến lược phát triển mạng lưới phân phối

Duy trì, củng cố và kiện toàn đề án Hệ thống phân phối dược phẩm trong toàn quốc, thiết lập thêm 2 kho vùng tại CN Hà Nội và CN Đà Nẵng vào năm 2013 - 2014.

Áp dụng các giải pháp đồng bộ: “Hệ thống giá trị và chuỗi cung ứng – liên kết chiến lược” nhằm duy trì và nâng cao tính cạnh tranh của hệ thống phân phối.

Giới thiệu công ty

Nâng cao chất lượng và năng lực hoạt động của hệ thống kho hàng hóa xuất nhập khẩu, các dịch vụ phục vụ cho thuê, dịch vụ giao nhận.

Củng cố và phát triển hệ thống phân phối thông qua các công ty dược của địa phương hiện đang là đại lý phân phối hàng của DOMESCO. Triển khai thành lập chi nhánh khi điều kiện cho phép tại các thị trường mới như các tỉnh miền Bắc và vùng Cao nguyên.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường mối quan hệ với khách hàng trên từng kênh phân phối.

Tình hình sản xuất

Công ty hiện có bốn nhà máy sản xuất, bao gồm ba nhà máy sản xuất thuốc và một nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng. Các nhà máy được xây dựng tại tỉnh Đồng Tháp, gần nguồn nguyên liệu đầu vào và dễ dàng tiếp cận thị trường tiêu thụ miền Nam. Diện tích kho tàng nhà xưởng của các nhà máy này đạt trên 10.000 m². Đội ngũ nhân viên sản xuất của công ty hiện tại đạt gần 500 người với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Năng lực Sản xuất

Các nhà máy sản xuất thuốc có 3 nhóm sản phẩm chính là penicilline, ephalosporine và non-betalactam. Sản lượng tối đa của Công ty đạt 140 triệu đơn vị sản phẩm/tháng. Công ty hiện đang ứng dụng nhiều dây chuyền sản xuất cho nhiều loại hình sản phẩm như: thuốc viên nang mềm, viên nang cứng, viên nén, viên nén sủi, viên nén bao phim, viên nang dạng pellet, dạng thuốc giải phóng kéo dài, thuốc gói...



Nhà máy Non betalactam
Công suất: trên 800 triệu
đơn vị sản phẩm/năm



Nhà máy Penicilline
Công suất: trên 250 triệu
đơn vị sản phẩm/năm



Nhà máy Cephalosporin
Công suất trên 200 triệu
đơn vị sản phẩm /năm



Nhà máy Domenol



Nhà máy Dược liệu

Nhà máy sản xuất nguyên liệu dược liệu của công ty đã hoàn thành xong giai đoạn 1 và đưa vào hoạt động từ tháng 6 năm 2010 với công suất tối đa đạt 250 tấn/năm.

Công nghệ của Nhà máy

Các nhà máy sản xuất của công ty đều đã nhận được giấy chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn WHO về GMP/GSP/GLP, cũng như sử dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSASs 18001:2007.



Kiểm nghiệm GCMS



Kiểm nghiệm HPLS



Kế hoạch Mở rộng Sản xuất

Trong thời gian tới, Công ty dự định sẽ bổ sung và đầu tư xây dựng thêm dây chuyền sản xuất kem mỡ nước và mở rộng công suất nhà máy non-betalactam viên cầm bột, thuốc tiêm – thuốc nhỏ mắt và nhà máy bao bì liên hợp.

Công ty cũng dự định sẽ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất Cồn 1,5 triệu lít/năm.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho việc sản xuất các loại sản phẩm dược liệu của công ty, Công ty đã triển khai dự án ứng dụng GACP xác lập việc nuôi trồng, thu mua, chế biến và sản xuất dược liệu sinh thái tại vùng Bảy Núi – Tri Tôn tỉnh An Giang, Phú Quốc, miền Đông, Tây Nguyên. Dự án này nằm trong kế hoạch triển khai đầu tư nuôi trồng các vùng dược liệu thông qua các hình thức liên kết và hợp tác đa phương nhằm đạt chứng nhận Organic cho các sản phẩm của Công ty.

Lợi thế cạnh tranh

Công ty chủ động duy trì lợi thế cạnh tranh bằng cách nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới có chất lượng tốt, giá thành hợp lý và đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng nội địa.

• NHÓM SẢN PHẨM DƯỢC LIỆU

Tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới: Công ty đã tiến hành từng bước phát triển các sản phẩm này từ rất sớm. Một số sản phẩm của công ty đã có mặt trên thị trường trên 10 năm và giành được sự tin nhiệm của người tiêu dùng như: Dogarlic, Doragon, Morinda, Domic.

Chủ động trong nguồn nguyên liệu: Nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, Công ty đã chủ động đầu tư vào một nhà máy chuyên sản xuất nguyên liệu làm thuốc và cung cấp cho dây chuyền sản xuất các sản phẩm dược liệu của công ty. Nhà máy được trang bị trang thiết bị hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm, và đã bắt đầu vận hành từ năm 2010.

Chú trọng chất lượng sản phẩm: Các sản phẩm của Domesco được nghiên cứu và phát triển dựa trên nền tảng của Y học cổ truyền, kết hợp với phương pháp bào chế hiện đại. Một số sản phẩm đã được tiến hành đánh giá xác nhận hiệu quả điều trị qua các thử nghiệm lâm sàng như: tác dụng “hạ cholestolol, điều hòa triglycerid” và “phòng và hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày gây bởi Helicobacter pylori” của sản phẩm Dogarlic Trà xanh, tác dụng “Hạ men gan” của sản phẩm Doragon và D-A-R. tác dụng “điều trị sỏi tiết niệu” của sản phẩm Viên Sỏi Thận. Một số sản phẩm tiêu biểu của công ty đã giành được các giải thưởng uy tín tại Hội thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp như: Doragon (2001), D-A-R (2003), Viên sỏi thận (2003), Đan sâm – Tam Thất (2005).

• NHÓM SẢN PHẨM HÓA DƯỢC

Tập trung vào nhóm sản phẩm generic: Theo thông lệ, phần lớn các công ty Dược phẩm trong nước sản xuất thuốc generic dựa trên các thuốc sáng chế đã hết thời gian bảo hộ độc quyền. Domesco cũng tập trung vào nhóm các sản phẩm này, cụ thể là ba nhóm sản phẩm Non Betalactam, Cephalosporin và Penicillin.

Tiên phong trong việc đánh giá tương đương sinh học: Với các thuốc generic, việc đánh giá tương đương sinh học góp phần chứng minh chất lượng của các thuốc generic so với thuốc sáng chế, tạo niềm tin khi sử dụng thuốc và giúp giảm chi phí điều trị. Nhận thức được điều này, Công ty đã chủ động hợp tác với các Viện, Trường để tiến hành đánh giá Tương đương sinh học của các sản phẩm từ rất sớm. Các sản phẩm được ưu tiên thực hiện đánh giá là những sản phẩm thuộc nhóm điều trị tiểu đường, tăng huyết áp và kháng sinh. Công ty đã tiến hành đánh giá Tương đương sinh học cho một số sản phẩm như Glucose 850 mg và 500 mg, Zinmax – DOMESCO 500 mg, Amlodipin 5 mg và Vosfarel MR, Dorover. Kết quả nghiên cứu cho thấy các thuốc này đều tương đương sinh học với các thuốc đối chiếu. Đây là bằng chứng rõ ràng nhất về uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty.

Đa dạng trong các loại hình bào chế: Các sản phẩm của công ty được bào chế dưới nhiều hình thức như: viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bột, thuốc bột sủi... Một số dạng bào chế hiện đại cũng đã được công ty thử nghiệm và sản xuất thành công như: viên nén phân tán Docifix, viên nén phóng thích Vosfarel MR. Việc đa dạng hóa các hình thức bào chế giúp công ty đa dạng.

SẢN PHẨM & DANH MỤC NHÃN HIỆU

● Nhóm sản phẩm hóa dược

Các mặt hàng hóa dược của công ty có thể được phân thành ba phân nhóm chính, bao gồm thuốc đặc trị, thuốc kháng sinh và thuốc OTC.

Nhóm thuốc đặc trị là nhóm sản phẩm thế mạnh của DOMESCO, do thị trường trong nước chỉ có một số ít các doanh nghiệp nội địa có khả năng sản xuất các loại thuốc này do hạn chế về mặt công nghệ. Nhờ vào việc đầu tư vào hoạt động R&D, các nhà máy và dây chuyền sản xuất hiện đại, Domesco đã có khả năng tạo ra các sản phẩm dưới nhiều dạng bào chế mới và có chất lượng ngày càng cao, được chứng minh qua các thử nghiệm về tương đương sinh học so với thuốc gốc. Đây cũng là các nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao và tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng trong quá khứ của Công ty.

Nhóm thuốc kháng sinh bao gồm các sản phẩm quen thuộc như ampicillin, amoxicillin, cephalosporin và các sản phẩm kháng sinh thế hệ mới. Nhóm thuốc này là sản phẩm truyền thống của công ty và đóng góp tỷ trọng đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong thời gian tới, Domesco dự kiến sẽ tập trung vào các thế hệ thuốc kháng sinh mới và nâng cao chất lượng của các sản phẩm kháng sinh cũ.

Nhóm thuốc OTC bao gồm các sản phẩm dược phẩm có thể mua không cần kèm chỉ định của bác sĩ tại các nhà thuốc và kênh phân phối của công ty. Danh mục thuốc OTC của Công ty hiện tại bao gồm: thuốc giảm đau, hạ nhiệt, thuốc chống dị ứng, nhóm thuốc chống viêm không steroid, thuốc giãn cơ, vitamins và chất khoáng... Nhóm sản phẩm này cũng có tỷ suất lợi nhuận gộp khá cao tuy nhiên cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp dược trong ngành.

Về dài hạn, việc hoàn tất nhà máy non-betalactam mới sẽ giúp Công ty cập nhật công nghệ, gia tăng năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm đối với hai nhóm sản phẩm thuốc đặc trị và thuốc OTC.

● Nhóm sản phẩm dược liệu

Doanh thu từ mảng này hiện chỉ chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong tổng doanh thu sản xuất của công ty (dưới 2%), tuy nhiên, việc ra đời nhà máy chiết xuất nguyên liệu dược liệu sẽ giúp công ty chủ động trong nguồn nguyên liệu, giảm thiểu chi phí mua ngoài và khép kín mô hình kinh doanh. Công ty xem mảng thuốc đông dược là mảng kinh doanh có tốc độ phát triển cao và tỷ suất lợi nhuận cao, chịu ít cạnh tranh hơn so với thuốc tân dược nên sẽ chú trọng phát triển hoạt động này trong thời gian tới.

Các sản phẩm chính trong nhóm này bao gồm: Dogarlic, Doragon, Dogarlic trà xanh, các sản phẩm từ trái nhàu (đây là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Công ty) ...

● Sản phẩm tiêu biểu

Các sản phẩm mang lại doanh thu cao trong năm chủ yếu gồm các sản phẩm hóa dược được lưu hành trên thị trường trong một thời gian dài và đã tạo được uy tín với khách hàng. Một số sản phẩm đã được thử nghiệm để chứng minh tương đương sinh học với thuốc biệt dược gốc, giúp gia tăng niềm tin về chất lượng và khả năng thay thế hàng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu điều trị.

Công ty tích cực cung cấp các sản phẩm mới ra thị trường, tiêu biểu như: VOSFAREL 35mg MR, Dofed nén và Dopagan-Codein. Trong đó, sản phẩm Vosfarel 35mg MR có dạng bào chế mới – viên nén bao phim phóng thích kéo dài, đáp ứng nhu cầu điều trị. Sản phẩm này cũng đã được chứng minh tương đương sinh học so với thuốc biệt dược gốc trong việc sử dụng để điều trị bệnh.





NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong quá trình hoạt động, công ty đã nhận được các chứng nhận về chất lượng sản phẩm và sản xuất như sau:

- Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (năm 2000).
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Sản xuất thuốc GMP – ASIAN (năm 2003) và GMP – WHO (năm 2005).
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Phòng kiểm nghiệm GLP – ASIAN (năm 2003) và GLP – WHO (năm 2005).
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Bảo quản thuốc GSP – WHO (năm 2005).



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Ông Nguyễn Chí Thành

Ông Nguyễn Chí Thành tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994.

Từ năm 1995 đến năm 1998, Ông đảm nhiệm vị trí Chuyên viên, Trưởng nhóm xử lý nợ Câu lạc bộ London.

Từ năm 1998 đến năm 2002, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó trưởng phòng Quản lý nợ nước ngoài của Vụ Quản lý Ngoại hối Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.

Sau khi hoàn tất khoá đào tạo thạc sĩ chính sách công tại Nhật Bản vào năm 2003, Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó phòng Quản lý Dự trữ - Vụ Quản lý Ngoại hối Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.

Ông gia nhập Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) từ năm 2006 với vị trí Phó Trưởng ban, Trưởng ban Ban Chiến lược của SCIC.

Từ tháng 7/2010 đến nay, Ông đảm nhiệm vị trí Trưởng ban Ban Quản lý Rủi ro của SCIC.

Đến tháng 03/2011, Ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.



2. Ông Huỳnh Trung Chánh

P. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty

Ông Huỳnh Trung Chánh tốt nghiệp Dược sĩ đại học từ trước năm 1975.

Từ tháng 05/1975 đến 06/1985, Ông là Trưởng Khoa dược Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp.

Từ tháng 07/1985 đến tháng 01/1987, Ông giữ vị trí Phó Chủ nhiệm Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp.

Từ tháng 02/1987, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp.

Từ tháng 01/1988 đến tháng 12/2003, Ông đảm nhiệm chức Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Đồng Tháp.

Từ tháng 01/2004 đến tháng 03/2011, Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.

Từ tháng 04/2011 đến nay, Ông là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO, đồng thời Ông là Chủ tịch HĐQT CTCP Y dược Domic.



3. Bà Nguyễn Thị Tiến

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Tiến tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư Hoá.

Từ tháng 06/1981 đến tháng 08/1987, Bà đảm nhiệm vị trí Quản đốc XN Liên hiệp Dược Đồng Tháp.

Từ tháng 09/1987 đến tháng 11/1988, Bà giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp.

Bà được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Đồng Tháp vào tháng 12/1988.

Từ tháng 01/2004 đến tháng 03/2011, Bà là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.

Từ tháng 04/2011 đến nay, Bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.



4. Ông Nguyễn Phương

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Phương tốt nghiệp đại học Y Dược Huế năm 1991 và thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Maastricht năm 2008.

Từ năm 1991 đến 1993, Ông bắt đầu công việc tại Công ty Dược Thượng Hải và trở thành trưởng nhóm trình dược viên sản phẩm Janssen của Công ty dược HCM Saphaco.

Sau đó, Ông trở thành Giám đốc sản phẩm Janssen-Cilag của Mega LifeSciences Pty Ltd tại Việt Nam vào năm 1997.

Từ năm 1997 đến 2004, Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc sản phẩm và Giám đốc tiếp thị sản phẩm Janssen-Cilag của Johnson & Johnson Việt Nam.

Từ năm 2005 đến 2008, Ông là Giám đốc tiếp thị của Janssen –Cilag Ltd. tại Việt Nam.

Từ 2008 đến 2011, Ông làm trưởng đại diện cho Gynocare Limited tại Việt Nam.

Đến nay, Ông là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO kiêm trưởng đại diện của Laboratorios Recalcine S.A tại Hồ Chí Minh – là công ty thành viên của CFR Pharmaceuticals S.A.



5. Ông Trần Thanh Phong

Thành viên HĐQT

Ông Trần Thanh Phong tốt nghiệp Dược sĩ Đại Học.

Từ tháng 08/1998 đến tháng 12/1999, Ông giữ vị trí Phó phòng T-R & D Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.

Từ tháng 01/2000 đến tháng 09/2002, Ông là Phó Quản đốc Xưởng I.

Từ tháng 10/2002 đến năm 2003, Ông giữ vị trí Quyền Trưởng phòng T-R & D.

Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004, Ông đảm nhiệm chức vụ Quản đốc xưởng Betalactam.

Từ tháng 12/2004 đến nay, Ông là Thành viên HĐQT và Giám đốc trung tâm nghiên cứu công nghệ hóa dược trực thuộc khối NC PT Công ty.



5. Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu Thành viên HĐQT

Ông Alejandro Weinstein Manieu tốt nghiệp Cử nhân kiểm toán và Cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Católica de Chile, tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại Học Harvard. Hiện Ông là Giám đốc điều hành của CFR Pharmaceuticals S.A., Thành viên hội đồng quản trị của nhiều công ty dược tại Châu Mỹ Latin. Ông cũng là Giám đốc của Biomedical Research Consortium, là thành viên hội đồng quản trị của Allergy Therapeutics plc. và là Chủ tịch HĐQT của Uman Pharma, Thành viên HĐQT của DOMESCO. Đồng thời Ông cũng là chủ tịch HĐQT của Undación Genómika.



7. Ông Alexis Eduardo Camhi Levy Thành viên HĐQT

Ông Alexis Camhi Levy tốt nghiệp kĩ sư công nghiệp, thạc sĩ kinh tế tại Đại Học Chi Lê và thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường MIT. Ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc điều hành của VentanaUC and EducaUC Chi Lê trong vòng 7 năm và là tư vấn viên tại công ty McKinsey & Company. Hiện Ông đang là Giám đốc phát triển kinh doanh của CFR Pharmaceuticals S.A., chịu trách nhiệm quản lý bộ phận M&A và R&D của công ty, đồng thời Ông cũng là Thành viên HĐQT của Uman Pharma và là Thành viên HĐQT của DOMESCO.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông Huỳnh Trung Chánh - Tổng Giám đốc

Xem phần “Hội đồng Quản trị” để biết Kinh nghiệm và chuyên môn của ông Huỳnh Trung Chánh



2. Bà Nguyễn Thị Tiên - Phó Tổng Giám đốc

Xem phần “Hội đồng Quản trị” để biết Kinh nghiệm và chuyên môn của bà Nguyễn Thị Tiên



3. Ông Nguyễn Văn Hóa - PTGD Khối Tài Chính Kế Toán

Ông Nguyễn Văn Hóa tốt nghiệp Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kế toán, Ông đã được đào tạo chuyên sâu về lãnh vực Tài chính, kế toán, ngân hàng và đã có các chứng chỉ về Kế toán trưởng, CFO và M&A.

Ông bắt đầu công việc tại DOMESCO từ tháng 01/1989 đến tháng 12/1991 ở vị trí Kế toán ngoại hối.

Từ tháng 01/1992 đến tháng 07/2006, Ông giữ vị trí Phó phòng Kế toán tài chính của DOMESCO kiêm Kế toán trưởng chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Tài chính DOMESCO từ tháng 07/2006 đến tháng 10/2011.

Từ ngày 15/10/2011 đến nay, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Tài chính Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.



4. Ông Lê Văn Nhã Phương – Phó Tổng Giám Đốc Khối Công Nghiệp

Ông Lê Văn Nhã Phương tốt nghiệp Đại học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh năm 2002.

Từ năm 2002 đến năm 2004, Ông theo học Cao học tại Khoa Dược tại ĐH Bordeaux 2, Pháp và Khoa Dược tại ĐH Lille 2, Pháp.

Từ năm 2008 đến năm 2011, Ông làm nghiên cứu sinh tại ĐH Lille 2, Pháp.

Từ năm 2005 đến 2006, Ông là Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & phát triển của DOMESCO.

Từ năm 2006 đến năm 2008, Ông là Giám đốc BP Xuất nhập khẩu & Hợp tác Quốc tế.

Từ tháng 08/2010 đến tháng 9/2011, khi còn đang làm nghiên cứu sinh tại ĐH Lille 2, Pháp, Ông kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển.

Từ 15/10/2011 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc DOMESCO.



4. Bà Phạm Ngọc Tuyền – Kế toán trưởng

Bà Phạm Ngọc Tuyền tốt nghiệp Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán. Bà gia nhập Công ty XNK Y tế Đồng Tháp từ năm 1990.

Từ năm 1993 đến năm 2000, Bà giữ chức vụ Phó Phòng Kế toán.

Từ năm 2000 đến năm 2003, Bà được bổ nhiệm làm Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ.

Từ tháng 01/2004 đến nay, Bà đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty CP Xuất nhập khẩu y tế DOMESCO.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Nguyễn Phi Thức Trưởng ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phi Thức tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp.

Từ tháng 10/2001 đến tháng 01/2002, Ông là chuyên viên phòng Đảm bảo Chất lượng.

Từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2002, Ông giữ chức vụ chuyên viên Phòng kế toán.

Từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2007, Ông là chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ.

Từ tháng 01/2008 đến tháng 3/2009, Ông được chuyển về vị trí chuyên viên Phòng Quản trị Tài chính.

Từ tháng 03/2009 – nay, Ông được bổ nhiệm làm trưởng Ban Kiểm soát công ty.

2. Bà Huỳnh Thị Tố Quyên - Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Huỳnh Thị Tố Quyên tốt nghiệp Cử nhân Luật – chuyên ngành Luật quốc tế.

Từ tháng 01/2006 đến tháng 04/2008, Bà là chuyên viên phòng phổ biến giáo dục pháp luật – Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau.

Từ tháng 5/2008 đến tháng 3/2009, Bà là nhân viên phòng kế hoạch và đầu tư DOMESCO.

Từ tháng 03/2009 đến nay, Bà được bổ nhiệm làm Thành viên Ban kiểm soát kiêm chuyên viên phòng Pháp lý và Đăng ký sản phẩm DOMESCO.

3. Ông Trần Mạnh Hữu – Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Trần Mạnh Hữu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế.

Từ năm 2001 đến tháng 08/2002, Ông là chuyên viên phòng TCKT – Tổng công ty Máy & Phụ tùng (nay là Công ty Máy & Phụ tùng).

Từ tháng 08/2002 đến tháng 08/2003, Ông phụ trách phòng TCKT – Xí nghiệp SXKD Ông thép Machino tại TPHCM.

Từ tháng 09/2003 đến tháng 07/2004, Ông là chuyên viên phòng TCKT – Tổng công ty Máy & Phụ tùng.

Từ tháng 08/2004 đến tháng 08/2008, Ông giữ chức vụ Thanh tra viên – Thanh tra Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương).

Từ tháng 09/2008 đến nay, Ông là chuyên viên Ban Kiểm soát – Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty DOMESCO.

4. Ông Juan Ignacio Ceballos Argo – Thành viên Ban Kiểm soát



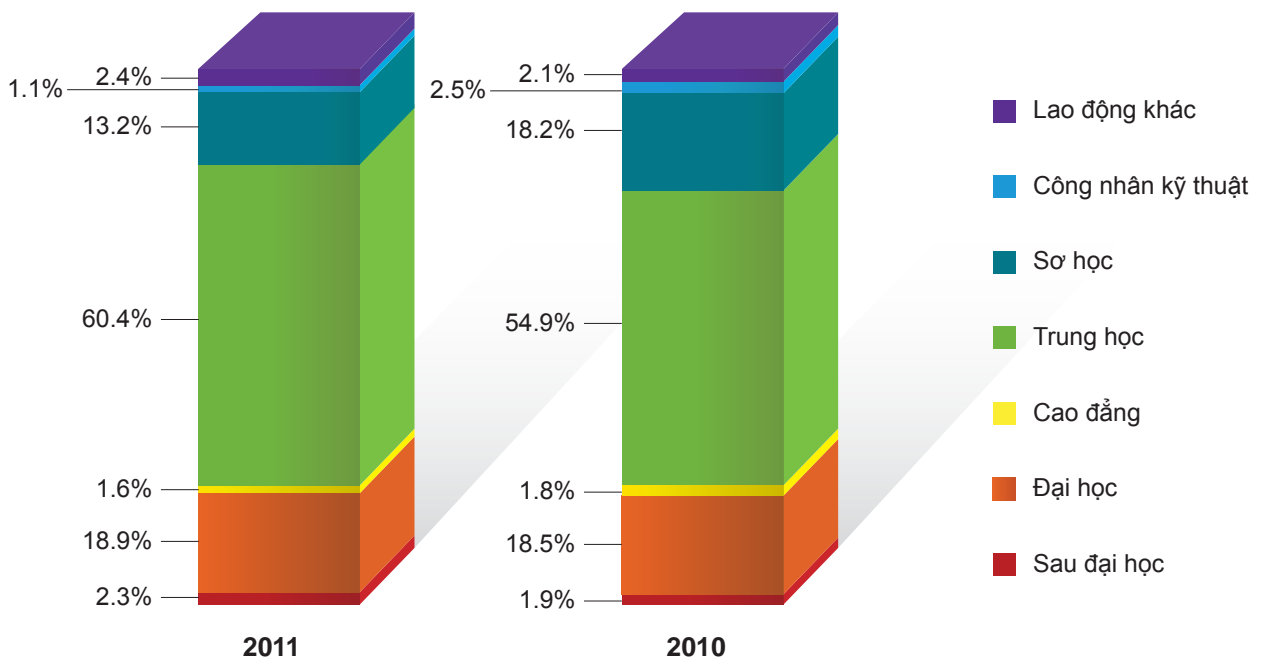
Ông Juan Ignacio Ceballos Argo tốt nghiệp kỹ sư công nghệ của trường đại học Católica Chile. Ông từng là chuyên viên lập kế hoạch và phân tích dự án – Tổng công ty LAN Airlines SA, chuyên gia phân tích bất động sản của công ty Cencosud Shopping Centers và là trưởng ban kiểm soát của Farmacias Ahumada S.A. Hiện nay Ông là Giám đốc tài chính doanh nghiệp của CFR Pharmaceuticals S.A., chịu trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản, kiểm soát tài chính của các công ty con của CFR, và là thành viên ban kiểm soát của DOMESCO.

NGUỒN NHÂN LỰC

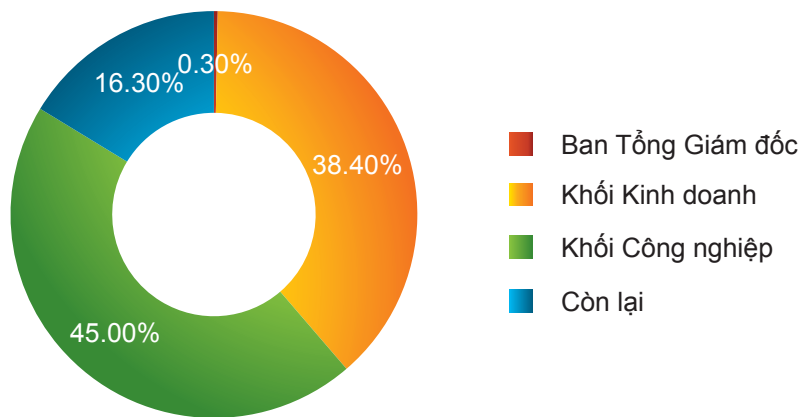
• Tổng quan về nguồn nhân lực

1.285 người

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2010



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ 2011



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO CHỨC NĂNG 2011

Nhìn chung, cơ cấu lao động theo trình độ ít biến động và chủ yếu vẫn tập trung ở hệ trung học, chiếm khoảng 60% trên tổng số lao động.

• Chính sách lương thưởng

Hiện nay, công ty thực hiện quy chế trả lương theo hai hình thức chính là

- Trả lương: khoán lương tháng (khoán trọn gói)
- Trả lương
 - Khoán / doanh thu (khối kinh doanh)
 - Khoán / sản phẩm (khối sản xuất)

Trong năm 2011, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên công ty đạt 6.002.261 đồng/tháng.

• Chính sách đào tạo, huấn luyện

3,5 tỷ đồng

Tổng chi phí đào tạo trong năm

Công ty luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty.

- ✓ Tổng số nhân viên tốt nghiệp trong năm 2011: 79
 - Sau đại học: 5
 - Đại học: 10
 - Cao đẳng: 01
 - Trung học: 63
- ✓ Hiện tại, có 112 nhân viên đang được đào tạo.
 - Sau đại học: 3
 - Đại học: 109
- ✓ Tổng chi phí đào tạo trong năm của Công ty vào khoảng 3,5 tỷ đồng.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên chủ chốt, số cổ phần nắm giữ năm 2011 (theo Danh sách cổ đông chốt tham dự Đại hội cổ đông thường niên ngày 06-04-2012 của TTLKCK Việt Nam)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				198.984	1,12%
Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch HĐQT	26-03-2011		0	0
Ông Huỳnh Trung Chánh	Phó Chủ tịch HĐQT	27-03-2009		139.237	0,78%
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên HĐQT	27-03-2009		40.193	0,23%
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên HĐQT	27-03-2009	24-03-2011	-	0,00%
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên HĐQT	27-03-2009	30-11-2011	13.000	0,07%
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên HĐQT	27-03-2009		6.554	0,04%
Ông Nguyễn Phương	Thành viên HĐQT	06-12-2011		-	
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Thành viên HĐQT	02-12-2011			44,69%
Ông Alexis Eduardo Camhi Levy	Thành viên HĐQT	02-12-2011			
BAN ĐIỀU HÀNH				100.012	0,56%
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng giám đốc	15-10-2011		92.740	0,52%
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng giám đốc	15-10-2011		7.272	0,04%
BAN KIỂM SOÁT				14	0.00
Ông Nguyễn Phi Thức	Trưởng BKS	27-03-2009		14	0,00%
Bà Huỳnh Thị Tố Quyên	Thành viên BKS	27-03-2009		-	
Ông Trần Mạnh Hữu	Thành viên BKS	27-03-2009		-	
Ông Juan Ignacio Ceballos Argo	Thành viên BKS	02-12-2011		-	
KẾ TOÁN TRƯỞNG					
Bà Phạm Ngọc Tuyền	Kế toán trưởng			17.556	0,10%
TỔNG CỘNG				8.275.172	46,47%

• Thủ Lao Hội đồng Quản trị - Ban kiểm soát nhận được trong năm 2011

Tổng tiền thu lao năm 2011 được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06-04-2012 thông qua là: 1.600.000.000 đồng. Đã sử dụng chi thu lao cho HĐQT & BKS là 1.236.000.000 đồng và phần còn lại chi cho các hoạt động giao tế: 364.000.000 đồng.

Thu nhập về tiền lương của Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng công ty) trong năm 2011 là 2.053.741.003 đồng.

Ông Nguyễn Chí Thành – Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Tổng Công ty Đầu tư & Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) sở hữu 6.181.778 cổ phần, chiếm 34,71% giới thiệu tham gia vào Hội đồng Quản trị vào ngày 26-03-2011 và được bầu vào chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Phương, Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu, Ông Alexis Eduardo Camhi Levy, Ông Juan Ignacio Ceballos Argo là do cổ đông CFR International Spa (Chile) sở hữu 7.958.620 cổ phần chiếm tỷ lệ 44,69% giới thiệu tham gia vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát vào ngày 02-12-2011.

Giao dịch của các thành viên chủ chốt và người có liên quan

Trong năm 2011, các thành viên chủ chốt và người có liên quan phát sinh giao dịch mua bán cổ phiếu DMC như sau:

- Ngày 16/12/2011 đến 14/02/2011 Ông Nguyễn Văn Hóa – Phó Tổng giám đốc đã mua vào 65.020 cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ lên 365.020 cổ phiếu (2,05%).

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Trong năm 2011, Có sự thay đổi rất lớn trong danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tăng từ 5 thành viên lên 7 thành viên:

- Bổ nhiệm 4 thành viên là Ông Nguyễn Chí Thành (ngày 26/03/2011), Ông Nguyễn Phương (ngày 06/12/2011 - CFR International Spa Chile), Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu (ngày 02/12/2011 - CFR International Spa Chile) và Ông Alexis Eduardo Camhi Levy (ngày 02/12/2011 – CFR International Spa Chile).
- Ông Huỳnh Trung Chánh từ nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế là Ông Nguyễn Chí Thành được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (ngày 26/03/2011).
- Từ nhiệm 2 thành viên là Ông Hoàng Công Toàn (ngày 24/03/2011) và Ông Trịnh Hoài Giang (30/11/2011).

Các thành viên trong Ban Giám đốc hiện tại có 2/7 là thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT cũng không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty. Tổng giám đốc là Ông Huỳnh Trung Chánh kiêm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực.

Trong năm 2011, Có sự bầu tăng thêm thành viên Ban kiểm soát tăng từ 3 thành viên lên 4 thành viên Cụ thể bầu thêm Ông Juan Ignacio Ceballos Argo (ngày 02/12/2012 - CFR International Spa Chile).

Có 2 thành viên Ban kiểm soát là cá nhân ngoài Công ty, không điều hành trực tiếp nhưng tham gia nhiều ý kiến trong các vấn đề của Công ty, giúp đưa ra những nhận định và đánh giá khách quan đối với các quyết định quan trọng của Công ty.

Trong năm 2011, cũng có sự bổ sung nhân sự vào Ban điều hành cụ thể:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hóa – Giám đốc bộ phận tài chính giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách khối Tài chính Kế toán (ngày bổ nhiệm 15/10/2011).
- Bổ nhiệm Ông Lê Văn Nhã Phương – Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách khối Công nghiệp (ngày bổ nhiệm 15/10/2011).

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng Quản trị Công ty tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể và cá nhân, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị hoạt động theo những quy chế đã quy định theo Điều lệ, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động và định hướng kinh doanh theo từng năm.

- **Quy mô HĐQT**

HĐQT hiện tại bao gồm bảy (07) Thành viên. Số lượng thành viên này đủ khả năng đáp ứng việc thu thập các ý kiến đại diện trong HĐQT và khuyến khích việc trao đổi thông tin và đưa ra quyết định phù hợp với những vấn đề quan trọng của Công ty.

- **Nhiệm kỳ**

HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- **Họp và tham dự các cuộc họp HĐQT**

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập cuộc họp bất thường mỗi khi có yêu cầu. Trong năm 2011, các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định.

Tình hình tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT trong năm 2011 như sau:

Năm 2011, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 19 phiên họp để bàn bạc chỉ đạo phương hướng và biện pháp thực hiện các hoạt động liên quan lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phù hợp với các quy định, quy chế hiện hành của Công ty và Pháp luật, cụ thể:

- **Phiên họp 1 ngày 26 tháng 01 năm 2011:** Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.
- **Phiên họp 2 ngày 10 tháng 02 năm 2012:** Đánh giá kết quả hoạt động 2010, chỉ tiêu kinh doanh năm 2011
 - ✓ Chuyển dự án Nhà máy Bao bì sạch cấp 1 từ Khu công nghiệp Cần Lố về lô 24A và 24B Khu Công nghiệp Tân Tạo: việc lập dự án đã hoàn thành và hiện đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư.
 - ✓ Thống nhất chuyển giao quyền sử dụng đất: 22.133,1m² và 3.551m² ở xã Mỹ Tân – TP Cao Lãnh - Đồng Tháp từ Công ty DOMESCO về cho Công ty CP Y Dược DOMEDIC (do trong quá trình thực hiện dự án thành lập Công ty CP Y Dược DOMEDIC, Công ty này chưa là pháp nhân chính thức nên DOMESCO đứng tên làm đại diện thuê đất với vai trò là cổ đông sáng lập).
 - ✓ Chi phí: tái đánh giá hệ thống quản lý tích hợp, thử tương đương sinh học năm 2011 sử dụng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.
 - ✓ Phân chia thù lao còn lại 2010 của HĐQT và BKS.
- **Phiên họp 3 ngày 05 tháng 03 năm 2011 thông qua nội dung**
 - ✓ Tổng quỹ lương năm 2011: 24,5%/ Lợi nhuận gộp 2011.
 - ✓ Thông qua các văn kiện trình Đại hội cổ đông 26/3/2011.
- **Phiên họp 4 ngày 24 tháng 03 năm 2011 thông qua nội dung**
 - ✓ HĐQT ghi nhận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ths. Hoàng Công Toàn và sẽ báo cáo Đại hội cổ đông ngày 26/3/2011.
 - ✓ Đồng thời giới thiệu Ths. Nguyễn Chí Thành bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ II (2009-2013) thay thế Ths. Toàn theo văn bản đề cử số 448/ĐTKDV – ĐT3 ngày 22/3/2011 của Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (cổ đông sở hữu 34,7% cổ phần DOMESCO)
- **Phiên họp 5 ngày 26 tháng 03 năm 2011 thông qua nội dung**
 - ✓ Phân công nhiệm vụ trong HĐQT:
 1. Chủ tịch HĐQT : Ông Nguyễn Chí Thành
 2. Phó Chủ tịch HĐQT thường trực : Ông Huỳnh Trung Chánh
 3. Thành viên HĐQT : Bà Nguyễn Thị Tiến
 4. Thành viên HĐQT : Ông Trịnh Hoài Giang
 5. Thành viên HĐQT : Ông Trần Thanh Phong
 - ✓ HĐQT bổ nhiệm Ông Huỳnh Trung Chánh làm Tổng Giám đốc Công ty. Thời gian bổ nhiệm từ 26/3/2011 đến hết nhiệm kỳ II (2009- 2013) của HĐQT.
- **Phiên họp 6 ngày 14 tháng 04 năm 2011 thông qua nội dung:**
 - ✓ Đồng ý Đề nghị Eximbank – SGD1 cấp tín dụng và bảo lãnh như sau:
 - Hạn mức bổ sung vốn lưu động: 90.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
 - Hạn mức bảo lãnh phát hành các loại chứng thư bảo lãnh: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
 - Hạn mức mở L/C A/S, L/C trả chậm: USD 2,000,000.00 hoặc ngoại tệ khác tương đương

✓ Ban hành mới: Quy chế quản trị công ty, Sơ đồ tổ chức, Quy chế bổ nhiệm nhân sự.

✓ Tái bổ nhiệm:

Bà Nguyễn Thị Tiến làm Phó TGD phụ trách khối Kinh doanh

Bà Phạm Ngọc Tuyên làm Kế toán trưởng Công ty

Thời gian bổ nhiệm từ 26/3/2011 đến hết nhiệm kỳ II (2009 – 2013) của HĐQT

- ✓ Chuyển đổi văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO tại Đắk Lắk thành chi nhánh.
- ✓ Không mua thêm phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) ở Công ty Dược và VTYT Bình Thuận.
- ✓ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2011 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2011.
- ✓ Phân chia thù lao năm 2011 của HĐQT và BKS.

■ **Phiên họp 7 ngày 30 tháng 5 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Chốt danh sách: 22/06/2011 Trả cổ tức còn lại của năm 2010 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt. Thời gian trả cổ tức: 06/07/2011.
- ✓ Thống nhất nhượng bán lại cổ phần của DOMESCO sở hữu tại các Công ty sau:
 - 1/ Công ty Cổ phần Dược & VTYT Bình Thuận.
 - 2/ Công ty Cổ phần Dược & VTYT Tây Ninh.
 - 3/ Công ty Cổ phần Dược phẩm CPV.
 - 4/ Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang.

■ **Phiên họp 8 ngày 29 tháng 7 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông bất thường 09/09/ 2011: Bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS. Xin ý kiến cổ đông cho Nhà đầu tư chiến lược mua vượt 35% cổ phần DMC nhưng không thực hiện chào mua công khai.
- ✓ Giao TGD xây dựng phương án điều chỉnh lương 2011 trình thường trực HĐQT quyết định, trước mắt điều chỉnh lương cho người có thu nhập thấp hơn 2.500.000đ/tháng.
- ✓ Nhà máy chiết xuất nguyên liệu dược liệu, Nhà máy còn:
 - Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải đưa 2 nhà máy vào hoạt động đúng tiến độ.
 - Hoàn thiện bộ cảm nang Nhà máy chiết xuất dược liệu. Củng cố nhân sự, tăng cường nhân lực cho Nhà máy dược liệu
 - Giao TGD xây dựng phương án kinh doanh khi đưa nhà máy còn vào hoạt động đặc biệt là vấn đề vốn cho hoạt động của nhà máy.
- ✓ Đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng còn lại và Phương án phát triển thị trường nước ngoài.
- ✓ Triển khai Phương án xây dựng chuỗi nhà thuốc đạt GPP.
- ✓ Chủ trương thành lập Văn phòng đại diện ở Myanmar.
- ✓ Thống nhất cho nhượng bán lại cổ phần của DOMESCO tại:

1/ Công ty CP DOMENAL

2/ Công ty CP Y Dược DOMEDIC

3/ Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Trường hợp đàm phán nhượng bán lại cổ phần không thành công ở Vĩnh Tường. HĐQT thống nhất cử nhân sự DOMESCO tham gia vào Ban điều hành để củng cố và phát triển hiệu quả hoạt động.

▪ **Phiên họp 9 ngày 03 tháng 8 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Thống nhất bán 305.817 cổ phiếu quỹ. Giá bán theo giá giao dịch thỏa thuận ngoài biên độ quy định
- ✓ Tiếp tục thảo luận về nội dung đại hội cổ đông bất thường 09/9/2011

▪ **Phiên họp 10 ngày 17 tháng 8 năm 2011:** Tiếp tục thảo luận về nội dung tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường 09/9/2011

▪ **Phiên họp 11 ngày 01 tháng 9 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ TGD trình HĐQT phương án điều chỉnh lương 2011
Bổ nhiệm: Ông Nguyễn Văn Hóa giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán.
- ✓ Ông Lê Văn Nhã Phương giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghiệp.
- ✓ Góp thêm 2 tỷ vào Công ty DOMENOL, nâng tỷ lệ góp vốn lên 9 tỷ đồng, vốn điều lệ DOME-NOL nâng lên 12 tỷ đồng.
- ✓ Tiếp tục thảo luận về nội dung tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường 09/9/2011, nội dung thống nhất chính thức:
 - Thông qua danh sách các cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư mới có tỷ lệ sở hữu vượt quá 25% cổ phần hiện hữu (DMC) nhưng không thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Danh sách các cổ đông hiện hữu chuyển nhượng cổ phần DMC cho Nhà đầu tư mới bao gồm:
 1. Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt : 1.500.000 cổ phần
 2. KITMC VietNam Growth Fund 2 : 1.350.000 cổ phần
 3. KITMC Worldwide VietNam Fund 2 : 100.000 cổ phần
 4. Dragon Capital VietNam Mother Fund : 1.241.046 cổ phần
 5. Amershan Industries Limited : 2.261.949 cổ phần.
 - Việc mua bán và sang tên của các bên sẽ thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận. Đồng thời các bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

▪ **Phiên họp 12 ngày 5 tháng 9 năm 2011:** Xem xét thảo luận về nội dung hợp đồng bán 305.817 cổ phiếu quỹ DMC cho CFR International SPA.

▪ **Phiên họp 13 ngày 09 tháng 9 năm 2011:** Tiếp tục thảo luận về nội dung đại hội cổ đông bất thường 09/09/2011: thực hiện đại hội đồng cổ đông ngày 09/09/2011 như đã thông báo nhưng không bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và BKS trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đợt này.

▪ **Phiên họp 14: Thảo luận về :**

- ✓ Nội dung cam kết với CFR International SPA khi CFR trở thành cổ đông chiến lược của DOMESCO.
- ✓ Thời hạn kết thúc đàm phán hợp đồng bán cổ phiếu quỹ cho CFR International SPA.

▪ **Phiên họp 15 ngày 14 tháng 10 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Cử nhân sự đại diện vốn DOMESCO tham gia vào HĐQT và BKS ở Công ty CP Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường.
- ✓ Hội đồng Quản trị giám sát và chỉ đạo thực thi các hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

▪ **Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản ngày 27 tháng 10 năm 2011 thông qua nội dung thông báo gọi CFR International Spa:**

Đại hội đồng cổ đông bất thường của DOMESCO được tổ chức vào ngày 9 tháng 9 năm 2011 đã chấp thuận việc mua bán cổ phần của DMC theo Điều 32.2(b) của Luật Chứng Khoán Việt Nam.

Như vậy, CFR sẽ là cổ đông chiến lược của DMC và CFR có thể thông báo với các phương tiện truyền thông, các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các bên thứ ba khác tại quốc gia nơi CFR đăng ký thành lập (bao gồm cả công ty mẹ cao nhất của CFR) về việc CFR đầu tư vào DMC.

Sau khi CFR là cổ đông nắm giữ ít nhất 35% cổ phần DMC, Hội đồng Quản trị của DMC sẽ bổ nhiệm vị trí Trưởng tiểu ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo qui định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty của DMC trên cơ sở đề cử của CFR. Trưởng tiểu ban Kiểm toán Nội bộ được CFR đề cử này phải có kỹ năng tài chính cùng kiến thức kế toán và kiểm toán.

Thêm vào đó, DOMESCO cũng thông báo rằng, miễn là CFR nắm giữ ít nhất 35% cổ phần DMC, CFR có quyền đề cử và bãi nhiệm một (01) người vào chức danh Chuyên viên hỗ trợ và làm việc cho Trưởng tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị DMC. Theo đó chuyên viên này sẽ được quyền tiếp cận tất cả thông tin, dữ liệu tài chính của DMC theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của DMC; và có nghĩa vụ báo cáo cho Hội đồng quản trị DMC. Các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền có thể yêu cầu chuyên viên này cung cấp các thông tin tài chính quan tâm. Thông tin phản hồi theo yêu cầu từ chuyên viên này cũng được thông báo đến toàn bộ thành viên Hội đồng Quản trị. Thù lao, các điều khoản, điều kiện tuyển dụng và sa thải chuyên viên này phải phù hợp với chính sách nhân sự, Điều lệ, các Quy chế Quản trị của DMC và pháp luật Việt Nam.



Cổ đông chiến lược của DMC

▪ **Phiên họp 16 ngày 26 tháng 10 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Ủy quyền cho Ds Huỳnh Trung Chánh – TGD Công ty ký hợp đồng tín dụng và các tài liệu giao dịch vay 03 triệu USD với Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam

- **Phiên họp 17 ngày 02 tháng 12 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Chốt danh sách ngày 16/12/2011 xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS.
- ✓ Theo tinh thần Nghị quyết số 25 /NQ-ĐHCĐ-DMC của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cp XNK Y tế DOMESCO ngày 09/09/2011, HĐQT đề cử danh sách ứng viên gửi thư xin ý kiến Đại hội cổ đông bầu bổ sung vào HĐQT và BKS:
 1. Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu
 2. Ông Alexis Eduardo Camhi Levy
 3. Ông Juan Ignacio Ceballos Argo

- **Phiên họp 18 ngày 06 tháng 12 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị của ông Trịnh Hoài Giang kể từ ngày 30/11/2011 theo Đơn từ nhiệm ngày 30/11/2011 của ông Trịnh Hoài Giang.
- ✓ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Phương làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty, thay thế cho Ông Trịnh Hoài Giang. Thời gian bổ nhiệm kể từ ngày 06/12/2011 đến hết nhiệm kỳ II (2009-2013) của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ báo cáo Đại hội cổ đông việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ Công ty CP XNK Y tế DOMESCO.

- **Phiên họp 19 ngày 27 tháng 12 năm 2011 thông qua nội dung:**

- ✓ Chốt danh sách ngày 12/01/2012 để trả cổ tức đợt 1 năm 2011 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. Thời gian trả cổ tức: 20/01/2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2011

Báo cáo của Hội đồng quản trị	54
Báo cáo kiểm toán	57
Bảng cân đối kế toán	58
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	61
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	62
Thuyết minh báo cáo tài chính	64

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 26/3/2011)
Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch	(từ nhiệm ngày 26/3/2011)
Ông Huỳnh Trung Chánh	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 26/3/2011)
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên	
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên	(từ nhiệm ngày 24/3/2011)
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên	(từ nhiệm ngày 30/11/2011)
Ông Nguyễn Phương	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 06/12/2011)
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên	
Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 02/12/2011)
Ông Alexis Eduardo Camhi Levy	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 02/12/2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chán	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 15/10/2011)
	Tài chính	
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 15/10/2011)
	Công nghiệp	

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 66 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty còn có Văn phòng đại diện tại 37 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Vinh đặt tại nhà số 155, đường Phan Đình Phùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Chi nhánh Hà Nội đặt tại nhà số 23-24 N7A Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại Lô A 325B-325C Khu dân cư 91B, phường Anh Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Hải Dương đặt tại số 77 đường Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Đông đặt tại số 09/33 đường Đồng Khởi, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh 2 Công ty tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Đà Nẵng đặt tại số 77 Lý Thái Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty tại số 32 đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
- Chi nhánh Tây Nguyên đặt tại nhà số 72C đường Nguyễn Khuyến, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm - thực phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Thời gian hoạt động của Công ty là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông HUYNH TRUNG CHÁNH

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

Số: 00087.HCM/46.11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



BÙI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám Đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2012

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Thủy Hoa".

NGUYỄN THỦY HOA

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503.495.293.310	436.617.528.961
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	62.388.417.823	41.392.630.785
Tiền	111		62.388.417.823	41.392.630.785
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.950.695.387	185.120.424.859
Phải thu khách hàng	131	4.2	216.025.205.487	178.312.460.440
Trả trước cho người bán	132	4.3	1.762.249.141	8.383.145.351
Các khoản phải thu khác	135	4.4	25.293.190.496	4.485.642.016
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.5	(2.129.949.737)	(6.060.822.948)
Hàng tồn kho	140	4.6	188.122.862.538	199.460.540.525
Hàng tồn kho	141		188.122.862.538	199.460.540.525
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.033.317.562	10.643.932.792
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	4.176.904.767	3.355.361.128
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.893.672.038	960.841.582
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	5.962.740.757	6.327.730.082
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.500.666.984	330.190.987.708
Tài sản cố định	220		284.040.629.052	242.938.886.127
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	219.952.305.631	181.295.165.767
Nguyên giá	222		339.234.621.357	276.897.851.546
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.282.315.726)	(95.602.685.779)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	37.720.670.808	38.154.107.719
Nguyên giá	228		39.081.956.997	38.952.756.997
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.361.286.189)	(798.649.278)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.11	26.367.652.613	23.489.612.641
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.798.621.988	84.033.180.000
Đầu tư vào công ty con	251	4.12	8.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	33.570.200.000	73.570.200.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.14	713.780.000	5.962.980.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	4.15	(985.358.012)	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.661.415.944	3.218.921.581
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.16	2.371.914.086	3.218.921.581
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.17	2.289.501.858	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		833.995.960.294	766.808.516.669

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		258.578.069.511	220.316.632.699
Nợ ngắn hạn	310		244.851.002.247	195.047.112.250
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.18	119.689.116.911	112.982.981.362
Phải trả người bán	312	4.19	51.249.652.183	42.640.270.151
Người mua trả tiền trước	313		1.290.535.070	1.779.555.838
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.20	28.219.220.804	12.138.683.380
Phải trả người lao động	315		15.461.181.053	10.233.953.653
Chi phí phải trả	316	4.21	11.127.146.978	-
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.22	12.628.373.463	10.485.221.534
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.23	5.185.775.785	4.786.446.332
Nợ dài hạn	330		13.727.067.264	25.269.520.449
Phải trả dài hạn khác	333	4.24	3.769.341.911	931.249.931
Vay và nợ dài hạn	334	4.25	9.659.401.700	24.084.901.700
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.26	298.323.653	253.368.818
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		575.417.890.783	546.491.883.970
Vốn chủ sở hữu	410	4.27	575.417.890.783	546.491.883.970
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		178.093.360.000	178.093.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		229.677.322.904	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		-	(15.737.386.415)
Quỹ đầu tư phát triển	417		79.760.512.313	58.236.641.879
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	14.225.821.980
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.077.359.566	82.398.446.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		833.995.960.294	766.808.516.669

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

Bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Ngoại tệ các loại USD		132.346,96	6.120,00



HUYỀN TRUNG CHÁNH

Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

PHẠM NGỌC TUYỀN

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.194.863.534.661	1.113.098.646.568
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	62.807.453.005	69.659.148.720
Doanh thu thuần	10	5.3	1.132.056.081.656	1.043.439.497.848
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.4	758.395.976.929	728.277.573.025
Lợi nhuận gộp	20		373.660.104.727	315.161.924.823
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	11.839.727.804	7.918.126.468
Chi phí tài chính	22	5.6	20.347.353.591	20.038.179.147
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.919.960.891</i>	<i>14.033.238.359</i>
Chi phí bán hàng	24	5.7	142.604.011.690	98.653.855.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.8	104.688.283.471	91.096.086.944
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		117.860.183.779	113.291.929.269
Thu nhập khác	31	5.9	261.577.944	98.791.761
Chi phí khác	32	5.10	10.741.691	3.013.732
Lợi nhuận khác	40		250.836.253	95.778.029
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.111.020.032	113.387.707.298
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	40.297.173.449	30.596.072.576
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.12	(2.289.501.858)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		80.103.348.441	82.791.634.722
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.576	4.730



HUYỀN TRUNG CHÁNH

Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

PHẠM NGỌC TUYỀN

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	118.111.020.032	113.387.707.298
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.224.320.017	21.457.920.320
Hoàn nhập dự phòng	03	(2.945.515.199)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	531.943.515	953.605.181
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.242.229.841)	(2.167.927.771)
Chi phí lãi vay	06	10.919.960.891	14.033.238.359
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	144.599.499.415	147.664.543.387
(Tăng) / Giảm các khoản phải thu	09	(29.298.206.674)	19.120.961.252
Giảm / (Tăng) hàng tồn kho	10	11.337.677.987	(51.401.560.995)
Tăng / (Giảm) các khoản phải trả	11	28.655.513.471	(39.562.974.636)
Giảm chi phí trả trước	12	3.008.124.617	5.542.961.921
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.919.960.891)	(14.033.238.359)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.628.904.869)	(38.876.280.357)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.102.529.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(27.258.991.087)	(15.867.866.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95.597.280.969	12.586.546.073
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(68.987.944.702)	(27.567.961.851)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	28.000.000	8.399.545
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.540.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.373.098.500	417.020.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	(4.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.090.331.341	1.963.788.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.496.514.861)	(31.219.254.080)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	16.139.709.319	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	188.086.121.971	233.176.197.892
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(198.824.322.270)	(178.469.155.891)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.507.741.800)	(17.503.519.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.106.232.780)	37.203.523.001

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	20.994.533.328	18.570.814.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.392.630.786	22.821.815.791
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.253.710	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	62.388.417.823	41.392.630.785



HUYỀN TRUNG CHÁNH

Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phạm Ngọc Tuyên'.

PHẠM NGỌC TUYỀN

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm - thực phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Thời gian hoạt động của Công ty là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

Công ty đã niêm yết cổ phiếu ở Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006. Mã chứng khoán là DMC.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 66 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty còn có Văn phòng đại diện tại 37 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Vinh đặt tại nhà số 155, đường Phan Đình Phùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Chi nhánh Hà Nội đặt tại nhà số 23-24 N7A Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại Lô A 325B-325C Khu dân cư 91B, phường Anh Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Hải Dương đặt tại số 77 đường Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Đông đặt tại số 09/33 đường Đồng Khởi, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh 2 Công ty tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Đà Nẵng đặt tại số 77 Lý Thái Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Chi nhánh Công ty tại số 32 đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
- Chi nhánh Tây Nguyên đặt tại nhà số 72C đường Nguyễn Khuyến, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 1.285 người, trong đó số nhân viên quản lý là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số nhân viên là 1.305, trong đó, nhân viên quản lý là 60 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (21.036 VND/USD) tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	47 năm, vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Công ty}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	2 năm - 5 năm
Thuê cửa hàng, văn phòng	4 năm
Chi phí sửa chữa	2 năm - 6 năm

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

3.15 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất và kinh doanh chịu thuế suất 5%. Nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng và rượu chịu thuế suất 10%..

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Ưu đãi thuế TNDN

Đối với hoạt động sản xuất thuốc, Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Công ty áp dụng mức thuế suất 25% (hai mươi lăm phần trăm) cho các hoạt động khác.

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Sản phẩm rượu 20 độ đến 40 độ bia do Công ty sản xuất chịu mức thuế suất 30%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Cộng</i>
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

3.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền

		31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
	Ngoại tệ		
Tiền mặt - VND		6.109.308.844	3.891.363.945
Tiền gửi ngân hàng		56.279.108.979	37.501.266.840
VND		53.495.180.034	37.381.920.794
USD	132.346,96	2.783.928.945	119.346.046
		62.388.417.823	41.392.630.785

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên liên quan		
Công ty cổ phần DOMENAL	-	53.550.000
Bên thứ ba	216.025.205.487	178.258.910.440
	216.025.205.487	178.312.460.440

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.762.249.141	8.383.145.351
	1.762.249.141	8.383.145.351

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Thuế thu nhập cá nhân	1.271.854.786	1.394.925.408
Bảo hiểm xã hội	233.914.124	-
Công ty Xây Dựng 319 - Bộ quốc phòng / Chi hộ tiền điện, nước	52.425.000	52.425.000
Công ty TNHH Hóa Dược Đông Á / Chi hộ phí quảng cáo	59.970.071	59.970.071
Công ty Bình Minh Đỏ / bồi thường hợp đồng	36.750.000	36.750.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam / chiết khấu mua hàng và thanh toán	1.754.837.184	2.087.269.787
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông / Bồi thường bảo hiểm hàng hóa	876.520.856	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt / Tiền bán cổ phần DOMENAL	20.000.000.000	-
Công ty cổ phần Chứng khoán TP. HCM / Chi phí tổ chức đại hội cổ đông bất thường	165.226.390	-
Phải thu khác (i)	669.893.163	700.062.000
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần DOMENOL	171.798.922	154.239.750
	25.293.190.496	4.485.642.016

- (i) Trong đó, khoản phải thu lại các cá nhân đã nhận chuyển quyền mua lại nhà từ Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp là 665.982.000 đồng. Vào năm 2007, Công ty đã ứng cho Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp 3,11 tỷ đồng để đăng ký mua nhà phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng trong năm 2008, Công ty thay đổi nhu cầu sử dụng nên đã chuyển quyền mua nhà lại cho các cá nhân này.

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Số dư đầu kỳ	6.060.822.948	6.257.477.684
Hoàn nhập dự phòng	(3.930.873.211)	(141.356.804)
Xử lý công nợ	-	(55.297.932)
Số dư cuối kỳ	2.129.949.737	6.060.822.948

Thuyết minh Báo cáo tài chính

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	605.572.500
Nguyên liệu, vật liệu	56.382.794.997	62.619.223.164
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.425.314.257	8.280.833.794
Thành phẩm	64.023.293.529	74.556.397.219
Hàng hóa	57.196.411.253	53.273.356.072
Hàng gửi đi bán	95.048.502	125.157.776
	188.122.862.538	199.460.540.525

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2011 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh (VND)	31/12/2011 (VND)
Công cụ dụng cụ	3.355.361.128	8.760.444.913	(7.938.901.274)	4.176.904.767
	3.355.361.128	8.760.444.913	(7.938.901.274)	4.176.904.767

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tạm ứng	3.805.720.166	4.310.858.140
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.157.020.591	2.016.871.942
	5.962.740.757	6.327.730.082

4.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2011	136.039.347.028	109.912.513.910	19.755.710.984	11.190.279.624	276.897.851.546
Mua trong kỳ	392.679.753	41.997.011.296	1.593.482.075	782.914.202	44.766.087.326
Đầu tư XDCB	15.049.479.802	2.668.191.391	-	-	17.717.671.193
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.178.286)	(28.178.286)
Giảm khác	(118.810.422)	-	-	-	(118.810.422)
31/12/2011	151.362.696.161	154.577.716.597	21.349.193.059	11.945.015.540	339.234.621.357
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2011	28.001.374.843	53.667.368.700	8.499.932.434	5.434.009.802	95.602.685.779
Chi phí khấu hao	6.847.887.170	12.101.128.215	2.795.015.784	1.917.651.937	23.661.683.106
Khấu hao của TS hình thành từ quỹ phúc lợi	46.326.708	-	-	-	46.326.708
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.178.286)	(28.178.286)
Giảm khác	(201.581)	-	-	-	(201.581)
31/12/2011	34.895.387.140	65.768.496.915	11.294.948.218	7.323.483.453	119.282.315.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2011	108.037.972.185	56.245.145.210	11.255.778.550	5.756.269.822	181.295.165.767
31/12/2011	116.467.309.021	88.809.219.682	10.054.244.841	4.621.532.087	219.952.305.631
<i>Trong đó:</i>					
Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố	23.710.952.089	11.726.810.098	-	-	35.437.762.187
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng	13.053.992.28	32.706.219.59	3.968.645.77	3.109.028.09	52.837.885.744

Thuyết minh Báo cáo tài chính

4.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	37.740.255.117	1.212.501.880	38.952.756.997
Mua trong kỳ	-	129.200.000	129.200.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	37.740.255.117	1.341.701.880	39.081.956.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2011	358.848.247	439.801.031	798.649.278
Khấu hao trong kỳ	358.848.251	203.788.660	562.636.911
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	717.696.498	643.589.691	1.361.286.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	37.381.406.870	772.700.849	38.154.107.719
31/12/2011	37.022.558.619	698.112.189	37.720.670.808
<i>Trong đó:</i>			
GTCL của TS thế chấp, cầm cố	16.148.171.102	-	16.148.171.102

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công trình KCN Cần Lố		
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	177.426.958
Tổng kho II - Tân Tạo		
Quyền sử dụng đất	12.929.673.517	12.929.673.517
Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	1.110.041.228	959.952.678
Nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu	-	359.629.327
Nhà máy SX thuốc viên- cốm-bột	246.901.546	153.939.091
Chi nhánh Vinh	1.720.920.890	99.985.575
Nhà máy bao bì DOMEPACK (KCN Tân Tạo)	-	373.642.500
Hệ thống xử lý nước thải	7.198.899.123	1.752.663.784
Đất trồng dược liệu	983.312.054	983.312.054
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Gò Tháp	388.848.745	255.231.564
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	200.371.287	200.371.287
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	405.311.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	120.844.091	120.844.091
Công trình nhánh rẽ trung thế 3P-22KV & Trạm biến áp 3P-1600KVA (giai đoạn 1)	-	1.176.875.742
Công trình hạ tầng kỹ thuật	-	2.865.377.131
Máy móc, thiết bị	415.966.600	-
Khác	721.940.138	675.375.766
	26.367.652.613	23.489.612.641

Biến động của xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm 2011
	(VND)
Số dư đầu kỳ	23.489.612.641
Tăng trong kỳ	24.092.657.376
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.717.671.193)
Khác	(3.496.946.211)
Số dư cuối kỳ	26.367.652.613

4.12 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số dư	%	Số dư	%
	(VND)	sở hữu	(VND)	sở hữu
Công ty TNHH DOMENOL	8.500.000.000	75	4.500.000.000	70
	8.500.000.000		4.500.000.000	

Công ty TNHH DOMENOL ("DOMENOL") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2010 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó, Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh công nghiệp. DOMENOL đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục hành chính để có Giấy chứng nhận điều chỉnh về việc nâng vốn điều lệ lên 12 tỷ đồng, trong đó, Công ty góp 9 tỷ đồng (75% vốn điều lệ.)

4.13 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

		31/12/2011	01/01/2011
		(VND)	(VND)
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL)		-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO)	(ii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		33.570.200.000	73.570.200.000

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

- (ii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

4.14 Đầu tư dài hạn khác

		<u>31/12/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Cổ phiếu	(i)	713.780.000	5.962.980.000
		<u>713.780.000</u>	<u>5.962.980.000</u>

(i) Bao gồm	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Giá mua bình quân	<u>31/12/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Công ty CP Dược phẩm CPV	-	-	-	-	10.000.000
Công ty CP Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319	626.000.000	626.000.000
Công ty CP Dược phẩm Bình Thuận	-	-	-	-	5.239.200.000
Công ty CP Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000	87.780.000	87.780.000
				<u>713.780.000</u>	<u>5.962.980.000</u>

4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/12/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường	985.358.012	-
	<u>985.358.012</u>	<u>-</u>

4.16 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>	Tăng trong kỳ <u>(VND)</u>	Kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh <u>(VND)</u>	<u>31/12/2011</u> <u>(VND)</u>
Công cụ dụng cụ	1.979.912.907	178.043.000	(1.503.047.221)	654.908.686
Thuê cửa hàng, văn phòng	75.000.000	440.000.000	(103.000.000)	412.000.000
Chi phí sửa chữa	1.164.008.674	901.245.193	(760.248.467)	1.305.005.400
	<u>3.218.921.581</u>	<u>1.519.288.193</u>	<u>(2.366.295.688)</u>	<u>2.371.914.086</u>

4.17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	64.072.463	-
Chi phí trích trước	2.225.429.395	-
	2.289.501.858	-
	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.289.501.858	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Số dư cuối kỳ	2.289.501.858	-

4.18 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay ngắn hạn		
<i>Vay ngân hàng</i>		
(i) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	40.157.537.200	62.451.007.612
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	37.502.446.670	11.672.973.750
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	9.134.133.041	-
<i>Vay các bên liên quan</i>		
(ii) Công ty Cổ phần Domedic	11.000.000.000	22.000.000.000
<i>Vay cá nhân, tổ chức khác</i>		
(iii) Nhân viên Công ty và cá nhân khác	14.887.000.000	7.781.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
(iv) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	7.008.000.000	9.078.000.000
	119.689.116.911	112.982.981.362

- (i) Đây là các khoản vay tín chấp trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm, được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (ii) Đây là khoản vay tín chấp không kỳ hạn với lãi suất 17%/năm.
- (iii) Đây là khoản vay tín chấp nhân viên trong Công ty và các cá nhân với kỳ hạn 1 năm và lãi suất 15%/năm.
- (iv) Xem chi tiết ở thuyết minh số 4.25 (i)

4.19 Phải trả người bán

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên liên quan		
Công ty cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	-	146.114.540
Bên thứ ba	51.249.652.183	42.494.155.611
	51.249.652.183	42.640.270.151

4.20 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.593.786.539	2.515.570.088
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.270.346	50.412.424
Thuế xuất nhập khẩu	140.006.094	39.357.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.186.585.943	8.090.608.988
Thuế thu nhập cá nhân	1.271.731.665	1.372.106.990
Thuế tài nguyên	2.540.808	1.850.808
Các loại thuế khác	14.299.409	68.776.886
	28.219.220.804	12.138.683.380

4.21 Chi phí phải trả

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí hoa hồng	11.127.146.978	-
	11.127.146.978	-

4.22 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Kinh phí công đoàn	3.893.316.515	3.159.120.968
Bảo hiểm xã hội	-	292.130.082
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.858.422.750	6.355.490.860
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	-	63.154.839
Cổ tức	33.160.000	33.160.000
Thuế thu nhập cá nhân	104.530.325	-
Sở Y Tế Lâm Đồng / Chuyển nhằm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Thù lao Hội đồng Quản trị	7.000.000	-
Đại học Y Dược /	6.000.000	178.000.000
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế	2.063.811.529	-
Bộ Công Thương / Hoàn trả kinh phí của Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	1.181.415.000	-
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp / Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	71.545.189	-
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế (i)	1.106.224.370	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		101.217.000
	12.628.373.463	10.485.221.534

- (i) Đây là phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các năm từ 2005 đến 2010 nhằm tạo nguồn chi trả cho các khoản chi liên quan đến các năm này.

Biến động của khoản trích lập như sau:

	Năm 2011 (VND)
Số dư đầu kỳ	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế từ năm 2005 đến 2010	7.155.420.860
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến 2010	(3.427.708.375)
Phạt vi phạm hành chính về thuế giai đoạn từ năm 2007 đến 2010	(2.063.818.529)
Chi sử dụng khác	(557.669.586)
Số dư cuối kỳ	1.106.224.370

Thuyết minh Báo cáo tài chính

4.23 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (VND)	Cộng (VND)
01/01/2011	482.145.513	290.128.227	4.014.172.592	4.786.446.332
Trích lập quỹ	8.000.000.000	8.421.995.400	-	16.421.995.400
Chi khen thưởng	(7.315.056.534)	-	-	(7.315.056.534)
Chi phúc lợi cho người lao động	-	(8.661.282.705)	-	(8.661.282.705)
Khấu hao	-	-	(46.326.708)	(46.326.708)
31/12/2011	1.167.088.979	50.840.922	3.967.845.884	5.185.775.785

4.24 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.296.001.911	931.249.931
Bộ Công Thương / Hoàn trả kinh phí của Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	1.473.340.000	-
	3.769.341.911	931.249.931

4.25 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp (i)	9.659.401.700	14.597.401.700
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	9.487.500.000
	9.659.401.700	24.084.901.700

- (i) Đây là các khoản vay có hạn mức 28,537 tỷ đồng với thời hạn 5 năm (từ tháng 6 năm 2009) và lãi suất từ 6,9%/năm, nhằm đầu tư Nhà máy chiết xuất nguyên dược liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy.

4.26 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu kỳ	253.368.818	189.751.445
Trích lập quỹ	285.807.435	180.997.223
Chi sử dụng quỹ	(240.852.600)	(117.379.850)
Số dư cuối kỳ	298.323.653	253.368.818

4.27 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2010	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	33.053.413.153	10.560.423.609	62.007.885.905	497.252.696.252
Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	-	-	82.791.634.722	82.791.634.722
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.386.315.685)	(1.386.315.685)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.678.395.933	-	(27.678.395.933)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	3.665.398.371	(3.665.398.371)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.996.195.112)	(11.996.195.112)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(17.503.519.000)	(17.503.519.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.495.167.207)	-	(171.250.000)	(2.666.417.207)
01/01/2011	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	58.236.641.879	14.225.821.980	82.398.446.526	546.491.883.970
Bán cổ phiếu quỹ	-	402.322.904	15.737.386.415	-	-	-	16.139.709.319
Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hiện hành	-	-	-	-	-	80.103.348.441	80.103.348.441
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(2.008.039.654)	(2.008.039.654)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	25.076.233.667	-	(25.076.233.667)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	3.583.514.020	(3.583.514.020)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.421.995.400)	(16.421.995.400)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(38.507.741.800)	(38.507.741.800)
Chi đảo tạo	-	-	-	(3.552.363.233)	-	-	(3.552.363.233)
Quỹ khác	-	-	-	-	-	(6.826.910.860)	(6.826.910.860)
31/12/2011	178.093.360.000	229.677.322.904	-	79.760.512.313	17.809.336.000	70.077.359.566	575.417.890.783

(i)

Thuyết minh Báo cáo tài chính

- (i) Đây là phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các năm từ 2005 đến 2010 nhằm tạo nguồn chi trả cho các khoản chi liên quan đến các năm này.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	391.630.973.585	391.630.973.585
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	16.139.709.319	-
Vốn góp cuối kỳ	407.770.682.904	391.630.973.585

Cổ tức

Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22% (2.200 đồng/cổ phiếu). Trong năm 2011, Công ty đã chi trả cổ tức của năm 2010 là 38.507.741.800 đồng.

Cổ tức cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2012.

Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.809.336	17.809.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.809.336	17.809.336
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	(305.817)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.809.336	17.503.519
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	79.760.512.313	58.236.641.879
Quỹ dự phòng tài chính	17.809.336.000	14.225.821.980
	97.569.848.313	72.462.463.859

4.28 Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê nhà để làm cửa hàng, hiệu thuốc.

Các khoản chi trả tiền thuê được ghi nhận chi phí trong kỳ:

Tiền thuê tối thiểu

Năm 2011

(VND)

885.840.000

885.840.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

31/12/2011

(VND)

Trong vòng 1 năm

518.800.000

Trên 1 đến 5 năm

764.400.000

Trên 5 năm

432.000.000

1.715.200.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu**

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng hóa	333.423.117.557	401.672.573.790
Doanh thu sản xuất thuốc	853.894.454.832	704.559.417.699
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	2.609.467.897	2.162.173.607
Doanh thu sản xuất rượu	327.316.387	471.063.285
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.609.177.988	4.233.418.187
	1.194.863.534.661	1.113.098.646.568

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Giảm giá hàng bán	60.919.816.170	66.053.011.182
Hàng bán bị trả lại	1.786.329.328	3.462.149.820
Thuế tiêu thụ đặc biệt	101.307.507	143.987.718
	62.807.453.005	69.659.148.720

5.3 Doanh thu thuần

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Doanh thu thuần	1.132.056.081.656	1.043.439.497.848

Thuyết minh Báo cáo tài chính

5.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	303.196.733.834	365.772.647.505
Giá vốn sản xuất thuốc	453.344.130.546	361.065.992.695
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.564.837.671	1.148.281.875
Giá vốn sản xuất rượu	290.274.878	290.650.950
	758.395.976.929	728.277.573.025

5.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.915.157.341	508.439.226
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.175.174.000	1.455.349.000
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	2.123.898.500	195.740.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.655.920.976	2.637.954.836
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	169.301.667	-
Chiết khấu	2.778.712.515	3.080.855.517
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.562.805	39.787.889
	11.839.727.804	7.918.126.468

5.6 Chi phí tài chính

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền vay	10.919.960.891	14.033.238.359
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.902.822.752	825.372.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.835.372.681	4.130.335.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	701.245.182	953.605.181
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	985.358.012	-
Chi phí tài chính khác	2.594.073	95.627.446
	20.347.353.591	20.038.179.147

5.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí vật liệu, bao bì	2.888.178.243	2.225.492.561
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.267.667.474	3.921.453.216
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	121.640.839.960	86.392.444.161
Chi phí khác bằng tiền	15.807.326.013	6.114.465.993
	142.604.011.690	98.653.855.931

5.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	63.144.751.289	54.896.177.552
Chi phí vật liệu quản lý	1.335.485.790	1.282.039.899
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.113.894.316	8.055.883.210
Thuế, phí và lệ phí	1.556.128.703	2.285.576.963
Chi phí dự phòng	(3.930.873.211)	(141.356.804)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.702.374.036	11.029.363.328
Chi phí khác bằng tiền	16.766.522.548	13.688.402.796
	104.688.283.471	91.096.086.944

5.9 Thu nhập khác

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	28.000.000	8.399.545
Thu tiền bán hồ sơ thầu	8.000.000	36.777.997
Thu kinh phí hợp tác đào tạo Dược sĩ Trung học hệ vừa làm vừa học	176.272.728	-
Thu nhập khác	49.305.216	53.614.219
	261.577.944	98.791.761

5.10 Chi phí khác

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Phạt vi phạm hành chính	3.959.557	-
Chi phí khác	6.782.134	3.013.732
	10.741.691	3.013.732

5.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	40.297.173.449	30.596.072.576
	40.297.173.449	30.596.072.576

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành	Hoạt động	Hoạt động	Năm 2011	Năm 2010
	sản xuất	khác	(VND)	(VND)
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.099.772.521	11.247.511	118.111.020.032	113.387.707.298
<i>Điều chỉnh chi phí không được trừ</i>				
Chi phí vượt 10% tổng chi phí hợp lý	73.183.245.401	941.305.179	74.124.550.580	41.048.004.593
Chi phí trích trước chưa thực chi	11.127.146.978	-	11.127.146.978	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	210.169.014	88.154.639	298.323.653	-
<i>Điều chỉnh thu nhập không chịu thuế</i>				
Cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia	-	(2.175.174.000)	(2.175.174.000)	(1.455.349.000)
Tổng cộng	202.620.333.914	(1.134.466.671)	201.485.867.243	152.980.362.891
Cấn trừ	(1.134.466.671)	1.134.466.671		
Lợi nhuận tính thuế TNDN	201.485.867.243	-	201.485.867.243	152.980.362.891
Thuế suất	20%	25%	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	40.297.173.449	-	40.297.173.449	30.596.072.578

5.12 Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.289.501.858)	-
	(2.289.501.858)	-

5.13 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	699.364.985.581	715.709.562.423
Chi phí nhân công	105.393.615.375	88.905.402.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.316.197.581	21.188.167.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.353.530.605	111.288.857.543
Chi phí khác bằng tiền	29.897.010.956	22.944.114.684
	1.010.325.340.098	960.036.104.674

5.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	80.103.348.441	82.791.634.722
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>80.103.348.441</u>	<u>82.791.634.722</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	17.505.195	17.503.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>4.576</u>	<u>4.730</u>

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

- (i) Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Địa điểm / Quốc tịch*</u>	<u>Giai đoạn</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty cổ phần DOMENOL	Việt Nam		Công ty con
Công ty cổ phần Y Dược DOMEDIC	Việt Nam		Công ty liên kết
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Việt Nam		Công ty liên kết
Công ty cổ phần DOMENAL	Việt Nam	Từ 01/01/2011 đến 19/12/2011	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc	Việt Nam*		Thành viên chủ chốt

- (ii) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>	<u>Năm 2010 (VND)</u>
Công ty cổ phần DOMENOL	Góp vốn	4.000.000.000	4.500.000.000
	Chi hệ phí hoạt động	17.559.172	154.239.750
Công ty cổ phần Y Dược DOMEDIC	Chi hệ tiền thuê đất	136.890.688	-
Công ty cổ phần DOMENAL	Thoái vốn	40.000.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.730.327.808	3.127.141.412

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công ty cổ phần DOMENOL	Vốn góp	8.500.000.000	4.500.000.000
	Phải thu khác	171.798.922	154.239.750
Công ty cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vốn góp	13.570.200.000	13.570.200.000
	Vay	11.000.000.000	22.000.000.000
Công ty cổ phần DOMENAL	Vốn góp	-	40.000.000.000
	Phải thu bán hàng	-	53.550.000
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Vốn góp	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả mua hàng	-	146.114.540
Ban Tổng Giám đốc	Phải thu khác	360.000.000	360.000.000



HUỲNH TRUNG CHÁNH

Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

PHẠM NGỌC TUYỀN

Kế toán trưởng

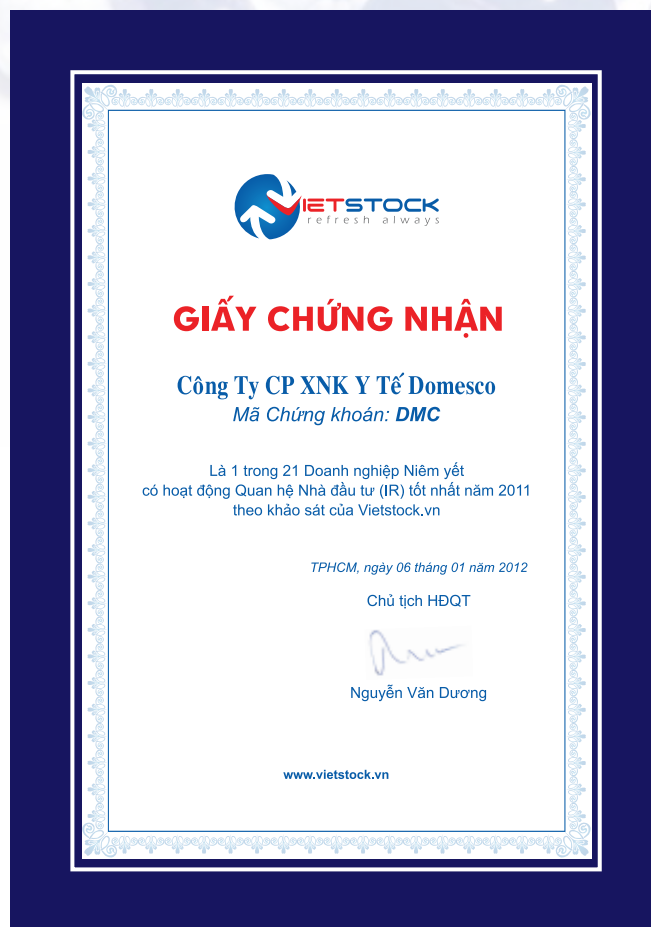
QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2011, DOMESCO vinh dự được bầu chọn là 1 trong 21 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất năm 2011 do Vietstock tổ chức khảo sát.

Trong năm 2011, thực hiện chủ trương tìm kiếm đối tác chiến lược là các Tập đoàn, Công ty Dược mạnh trên thế giới tham gia đầu tư vào DOMESCO nhằm hỗ trợ về công nghệ, thị trường, kinh nghiệm sản xuất, thay thế các nhà đầu tư tài chính hiện tại trong thời điểm khủng hoảng kinh tế lan rộng và kéo dài, bộ phận quan hệ nhà đầu tư (IR) của DOMESCO đón tiếp rất nhiều nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước đến tìm hiểu để đầu tư vào DOMESCO. Đáng chú ý nhất là các cuộc tham gia đánh giá toàn diện (Due Diligence) của các Tập đoàn Dược phẩm CFR Pharmaceuticals (Chi Lê), Taisho Pharmaceuticals (Nhật), Dream Incubator (Nhật) và Tập đoàn Nipro Corporation (Nhật). Các công ty tham gia làm việc với DOMESCO còn có các công ty tư vấn cho các đối tác nước ngoài bao gồm Ngân hàng Daiwa Nhật Bản, Jaccar của Pháp, Công ty cổ phần chứng khoán Tp.HCM (HSC), ... đều đánh giá cao công tác IR của DOMESCO cũng như tính minh bạch thông tin, số liệu.

Kết quả đạt được là DOMESCO đã tìm được đối tác chiến lược cùng ngành Dược là Tập đoàn Dược phẩm CFR của Chi Lê đã tham gia vào DOMESCO thông qua việc mua lại cổ phần của các nhà đầu tư lớn khác trong và ngoài nước, mở ra triển vọng hợp tác sản xuất nhượng quyền, xuất khẩu vào thị trường Nam Mỹ, phân phối sản phẩm của Tập đoàn CFR Pharmaceuticals tại Việt Nam, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng vượt bậc bắt đầu từ năm 2013.

Ngoài ra, trong năm 2011, Domesco tiếp tục được Trung tâm thông tin Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (CIC) xếp hạng tín dụng doanh nghiệp "**AAA - Loại tối ưu: Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả cao, Khả năng tự chủ tài chính rất tốt. Triển vọng phát triển lâu dài, tiềm lực tài chính mạnh, Lịch sử vay trả nợ tốt. Rủi ro rất thấp**"



Hiện tại, công ty duy trì việc cung cấp thông tin được cập nhật liên tục cho nhà đầu tư thông qua các kênh công bố thông tin sau:

- Website công ty: www.domesco.com
- Website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM: www.hsx.vn
- Các phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

▪ Công tác xã hội – từ thiện

Mặc dù tình hình kinh tế khó khăn nhưng Công ty luôn tập trung chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CB - CNLĐ. Bên cạnh đó, Công ty nhận thấy công tác xã hội là trách nhiệm của Công ty đối với xã hội nên năm qua Công ty cũng đã tham gia các hoạt động xã hội từ thiện như: Chương trình học bổng “Thắp sáng Ước mơ”; Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc; Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng; Khám và phát thuốc miễn phí cho người nghèo, gia đình chính sách; Ăn tết với người nghèo; Quà cây mùa xuân cho các em thiếu nhi nghèo trong Tỉnh; Ủng hộ lũ lụt; Hỗ trợ công tác gây quỹ từ thiện, công tác xã hội khác trong và ngoài Tỉnh,... Tổng số tiền thực hiện là: 1.832.726.671 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn ủng hộ các Ban, Ngành tặng quà cho các gia đình nghèo, trẻ em mồ côi,... hàng trăm triệu đồng nhân dịp lễ, Tết...

Công ty còn đóng góp các quỹ như:

- ✓ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa là: 63.844.611 đồng.
- ✓ Quỹ Mái ấm công đoàn là: 42.624.000 đồng.



▪ Công tác tài trợ cho hoạt động thể dục thể thao:

Công ty DOMESCO tự hào là một trong những doanh nghiệp được tiên phong trên cả nước trong việc tạo dựng hình ảnh và xây dựng thương hiệu một cách xã hội hóa bằng sự quan tâm chú trọng đến các hoạt động thể dục thể thao. Nổi bật trong số đó là công tác tài trợ cho đội đua xe đạp mang tên DOMESCO. Việc tài trợ bắt đầu từ năm 1995 với ban đầu là hỗ trợ trang phục thi đấu, dần dần thêm mức tài trợ 500.000 đồng cho một vận động viên và đến nay, năm 2011, Công ty đã mạnh dạn đầu tư 2.500.000.000 đồng/năm cho cả đội đua. Với sự quan tâm, chăm lo sâu sát của tập thể, lãnh đạo Công ty, hàng năm, đội đua xe đạp DOMESCO đều đoạt giải cao trong các kỳ thi đấu. Gần đây nhất, cụ thể trong năm 2011, để chào mừng 67 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12, Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch phối hợp cùng Liên đoàn xe đạp, mô tô thể thao tỉnh Đồng Tháp tổ chức Giải xe đạp tỉnh Đồng Tháp mở rộng năm 2011 – Tranh cúp DOMESCO. Kết quả đội đua xe đạp DOMESCO đã đạt giải nhất đồng đội. Về giải cá nhân, đội DOMESCO đã chiếm toàn bộ các giải nhất, nhì, ba.





Cúp Bình Dương 2011



Cúp DOMESCO 2011

THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2011, Công ty không có đợt tăng vốn điều lệ nào.

Tổng số cổ phần hiện tại: 17.809.336 cổ phần thường. Không có cổ phần ưu đãi.

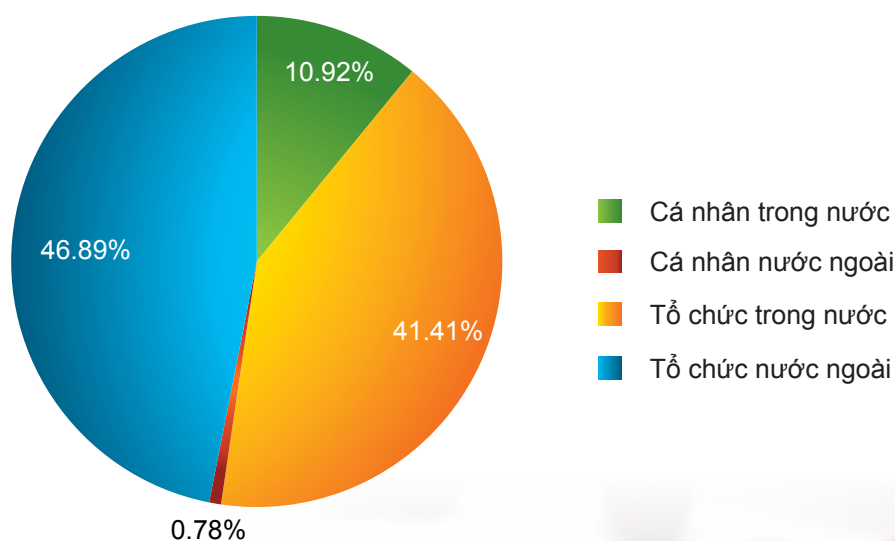
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 17.809.336 cổ phiếu.

Công ty hiện không còn cổ phiếu quỹ.

Tỷ lệ trả cổ tức năm 2011 là 22% trên vốn điều lệ.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 09/03/2012

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	1.319	1.944.407	10,92%
Tổ chức trong nước	46	7.375.009	41,41%
Cá nhân nước ngoài	166	139.734	0,78%
Tổ chức nước ngoài	19	8.350.186	46,89%
Tổng cộng	1.550	17.809.336	100,00%



Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn (so sánh với năm 2010)

STT	Người thực hiện	Quan hệ Cổ đông	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ
1	Viet Nam Dragon Fund Limited	Người có liên quan thành viên HĐQT Trịnh Hoài Giang	1.241.246 (7,09%)	-
2	Dragon Capital Vietnam Mother Fund	Cổ đông lớn	1.241.246 (7,09%)	-
3	CFR International Spa	Người có liên quan thành viên HĐQT Ông Nguyễn Phương, Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu và Ông Alexis Eduardo Camhi Levy	-	7.958.620 (44,69%)

Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên

STT	Cổ đông	Quốc gia	Sở hữu	Tỷ lệ
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Việt Nam	6.181.778	34,71%
2	CFR International Spa	Chi lê	7.958.620	44.69%

Tổng quan về CFR Pharmaceuticals (Đối tác chiến lược của DOMESCO)

Công ty dược phẩm CFR S.A là công ty dược phẩm hàng đầu tại Châu Mỹ Latin, có hoạt động sản xuất kinh doanh trải dài trên 15 quốc gia ở châu lục này, trong đó chủ yếu là: Chi le, Pe ru, Ác hen ti na và các thị trường mới nổi khác. Công ty hoạt động chủ yếu tập trung vào nghiên cứu, phát triển, sản xuất, thương mại các phát minh, các bằng sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm. Sản phẩm của Công ty tập trung vào các phân khúc: thần kinh, tâm thần, tim mạch, phụ khoa, cấy ghép, lọc máu, ung thư, thấp khớp... cùng các sản phẩm đặc thù trong điều trị y khoa kỹ thuật cao.

Website : www.cfr-corp.com



Tổng quan về Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) là tổ chức kinh tế đặc biệt của Nhà nước, trực thuộc Chính phủ để quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, các lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Website : www.scic.vn

TẦM NHÌN CỦA SCIC

Trở thành nhà đầu tư chiến lược của Chính phủ Việt Nam thông qua việc đem lại giá trị tối đa và sự tăng trưởng bền vững cho các khoản đầu tư.

SỨ MỆNH CỦA SCIC

1. Cổ đông năng động của doanh nghiệp
2. Nhà đầu tư chiến lược của Chính phủ
3. Nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp

GIÁ TRỊ THEO ĐUÔI CỦA SCIC

NĂNG ĐỘNG - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG

Tp. Cao Lãnh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



DS. HUỖNH TRUNG CHÁNH

TRỤ SỞ CHÍNH

A Địa chỉ: 66 Quốc Lộ 30, P.Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

F ĐT: 84.67.3852278 - 3859370 - Fax: 84.67.3851270

E Email: domesco@domesco.com

W Website: <http://www.domesco.com>

VĂN PHÒNG

A Địa chỉ: 37 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

F ĐT: 84.8.38655287 - 38654185 - Fax: 84.8.38650447

E Email: tphcm@domesco.com - domesco@hcm.vnn.vn